

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

TRẦN THANH THỦY

**ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ Ở QUẢNG TRỊ
TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ,
CỨU NƯỚC (1954 - 1975)**

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Mã số: 9 22 90 13

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

HUẾ - NĂM 2020

Công trình được hoàn thành tại Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Lê Cung

Phản biện 1:.....

.....

Phản biện 2:.....

.....

Phản biện 3:.....

.....

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Đại học Huế
họp tại
vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:.....

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), đấu tranh chính trị (ĐTCT) có vai trò hết sức quan trọng, cùng với đấu tranh quân sự và đấu tranh ngoại giao để đi đến thắng lợi quyết định. Đây là một vấn đề lớn của cách mạng miền Nam trong thời kì 1954 - 1975, đã được các tác giả trong nước và quốc tế quan tâm nghiên cứu và đạt được một số thành quả đáng ghi nhận.

Quảng Trị trong kháng chiến chống Mỹ nằm ở địa đầu giới tuyến của Việt Nam cộng hòa (VNCH), sát với miền Bắc xã hội chủ nghĩa, là chiến trường đặc biệt quan trọng, một trong những nơi đụng đầu quyết liệt giữa lực lượng cách mạng và lực lượng phản cách mạng, một trong những chiến trường khốc liệt nhất, nơi chứng kiến nỗi đau chia cắt của đất nước ròng rã hơn 20 năm. Đối với Mỹ và chính quyền VNCH, miền Nam Việt Nam (MNVN) là tiền đồn ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản lan xuống khu vực Đông Nam Á. Vì vậy, tại Quảng Trị, Mỹ và chính quyền VNCH đã thiết lập một hệ thống chính trị - quân sự mạnh để chặn đứng sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, khi cần thiết sẽ “*lấp sông Bến Hải*” tiến công ra miền Bắc.

Vượt qua những hiểm nguy, gian khổ, dưới sự lãnh đạo của Đảng các cấp, quân và dân Quảng Trị đã chiến đấu anh dũng, kiên cường, trong đó ĐTCT diễn ra rất sôi nổi, quyết liệt, góp phần xứng đáng vào công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Chính vì vậy, việc đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu đầy đủ về ĐTCT ở Quảng Trị sẽ làm rõ thêm những nhân tố làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975). Nghiên cứu ĐTCT ở Quảng Trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) có ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc.

Về ý nghĩa khoa học, nghiên cứu ĐTCT ở Quảng Trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) giúp chúng ta nắm rõ chính sách thông trị của Mỹ và chính quyền VNCH ở Quảng Trị; chủ trương, chính sách ĐTCT của Đảng các cấp; mục tiêu, hình thức, biện pháp đấu tranh, quy mô, lực lượng, nội dung, kết quả, tác động của phong trào ĐTCT ở Quảng Trị, góp phần làm rõ phương châm đấu tranh “*hai chân, ba mũi*”, “*ba mũi giáp công*”, “*ba vùng chiến lược*”; tổng kết, đánh giá những đóng góp của quân dân Quảng Trị đối với phong trào cách mạng trên toàn

miền Nam; đây cũng là công trình đầu tiên nghiên cứu có hệ thống về ĐTCT ở Quảng Trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Về ý nghĩa thực tiễn, nội dung luận án cung cấp thêm tư liệu, góp phần nghiên cứu lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), trước hết là lịch sử kháng chiến chống Mỹ ở Quảng Trị. Đồng thời, nội dung luận án còn giúp giáo viên giảng dạy lịch sử các cấp ở Quảng Trị vận dụng vào các tiết giảng dạy lịch sử địa phương nhằm bồi dưỡng lòng yêu nước, lòng tự hào về quê hương cho thế hệ trẻ tỉnh Quảng Trị hiện nay và mai sau.

Từ những ý nghĩa trên, chúng tôi chọn vấn đề “*ĐTCT ở Quảng Trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*” làm đề tài luận án Tiến sĩ chuyên ngành Lịch sử Việt Nam.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là ĐTCT của nhân dân Quảng Trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), trong đó, tập trung nghiên cứu những nhân tố tác động, nguyên nhân, diễn biến, mục tiêu, lực lượng, hình thức, biện pháp, kết quả các phong trào tiêu biểu cũng như tính chất, đặc điểm, vai trò, ý nghĩa lịch sử của ĐTCT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị từ năm 1954 đến năm 1975.

2.2. Phạm vi nghiên cứu

Về không gian, luận án tập trung nghiên cứu ĐTCT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (trừ khu vực Vĩnh Linh) trong mối quan hệ mật thiết với cách mạng miền Nam.

Về thời gian, luận án nghiên cứu giới hạn từ năm 1954 đến năm 1975, cụ thể là từ sau Hiệp định (HĐ) Genève (21-7-1954) đến ngày Quảng Trị hoàn toàn giải phóng (19-3-1975). Tuy vậy, khi cần làm rõ một số nội dung, luận án có thể mở rộng thời gian về các giai đoạn trước.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận án tái hiện ĐTCT trên cả ba vùng chiến lược: đô thị, nông thôn đồng bằng và miền núi ở Quảng Trị trong kháng chiến chống Mỹ. Qua đó, khẳng định vai trò, vị trí của ĐTCT ở Quảng Trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phân tích những nhân tố tác động đến ĐTCT (vị trí địa - chiến lược, khái quát đặc điểm dân cư, điều kiện tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội giai đoạn 1954 - 1975, truyền thống yêu nước và cách mạng của nhân

dân Quảng Trị trước ngày 21-7-1954, chính sách của Mỹ và chính quyền VNCH, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng các cấp đối với ĐTCT ở Quảng Trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)).

- Tái hiện một cách khách quan và chân thực quá trình ĐTCT ở Quảng Trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).

- Phân tích, luận giải tính chất, đặc điểm, vai trò, ý nghĩa lịch sử của ĐTCT ở Quảng Trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).

4. Phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu

4.1. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp lịch sử và phương pháp lô-gíc nhằm khôi phục lại bức tranh toàn cảnh về ĐTCT ở Quảng Trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975). Ngoài ra, luận án còn sử dụng một số phương pháp nghiên cứu liên ngành khác như phân tích, tổng hợp, so sánh,... nhằm rút ra những kết luận khoa học, chính xác.

4.2. Nguồn tài liệu

Để thực hiện luận án, chúng tôi tiếp cận và sử dụng nhiều nguồn tài liệu khác nhau... Đặc biệt, chúng tôi tập trung khai thác nguồn tài liệu lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia (TTLTQG) II thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục Văn thư - Lưu trữ Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Văn phòng Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế, Bảo tàng Hồ Chí Minh tỉnh Thừa Thiên Huế, Thư viện Tổng hợp tỉnh Thừa Thiên Huế, Phòng Nghiên cứu Lịch sử Đảng và Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Trị, Bảo tàng Quảng Trị, Thư viện Quảng Trị,... Các nguồn tài liệu này bao gồm những biên bản, báo cáo, chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch, công điện, phiếu trình, tuyên ngôn, kiến nghị,... Đây là nguồn tư liệu chủ yếu giúp chúng tôi hoàn thành luận án. Ngoài ra, chúng tôi còn tiến hành phỏng vấn nhân chứng lịch sử và khảo sát thực địa ở những địa bàn, di tích trước đây là nơi diễn ra các hoạt động ĐTCT.

5. Đóng góp của luận án

Một là, luận án là công trình khoa học nghiên cứu có hệ thống và tương đối toàn diện về ĐTCT của nhân dân Quảng Trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975). Luận án làm rõ những nhân tố tác động đến ĐTCT tại Quảng Trị, trong đó, tập trung phân tích chính sách, thủ đoạn của Mỹ và chính quyền VNCH nhằm đẩy lùi phong trào cách mạng ở Quảng Trị từ năm 1954 đến năm 1975; đồng thời, luận án còn tập trung nghiên cứu về các đối sách của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Liên Khu ủy IV, Liên Khu ủy V, Liên Tỉnh ủy Trị - Thiên,

Khu ủy Trị - Thiên - Huế và Tỉnh ủy Quảng Trị nhằm chống lại chính sách, thủ đoạn của Mỹ và chính quyền VNCH. Luận án phân tích và tổng hợp các tài liệu có liên quan, qua đó khôi phục, phản ánh một cách đầy đủ và hệ thống về mục tiêu, hình thức, biện pháp, diễn biến quá trình đấu tranh, kết quả, tính chất, ý nghĩa lịch sử; về đóng góp của phong trào ĐTCT ở Quảng Trị đối với phong trào cách mạng miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).

Hai là, luận án là nguồn tài liệu tham khảo phục vụ công tác giảng dạy, học tập lịch sử địa phương, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước, cách mạng cho nhân dân tỉnh Quảng Trị, nhất là đối với thế hệ trẻ hôm nay và mai sau.

6. Bố cục của luận án

Luận án dài 160 trang, không kể phần phụ lục. Ngoài phần mở đầu (5 trang), kết luận (4 trang), tài liệu tham khảo (18 trang), mục lục (3 trang), nội dung luận án chia làm 4 chương:

Chương 1. Tổng quan nghiên cứu (17 trang)

Chương 2. ĐTCT ở Quảng Trị từ năm 1954 đến năm 1965 (44 trang)

Chương 3. ĐTCT ở Quảng Trị từ năm 1965 đến năm 1975 (41 trang)

Chương 4. Một số nhận xét về ĐTCT ở Quảng Trị (1954 - 1975) (28 trang).

Chương 1

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Liên quan đến đề tài luận án có nhiều công trình nghiên cứu đã được xuất bản, tác giả tạm chia theo 2 nhóm chính như sau:

1.1.1. Nhóm các công trình nghiên cứu về đấu tranh chính trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam

- Các công trình nghiên cứu về ĐTCT trên phạm vi toàn miền Nam: Đoàn Thêm với một số tác phẩm: *20 năm qua - Việc từng ngày (1945 - 1964)*; *1965 - Việc từng ngày*; *1966 - Việc từng ngày*; *1967 - Việc từng ngày*; *1968 - Việc từng ngày*; *1969 - Việc từng ngày*; Trần Văn Giàu (1964 - 1978), *Miền Nam giữ vững thành đồng, 5 tập (tập 1 - 1964, tập 2 - 1966, tập 3 - 1968, tập 4 - 1970, tập 5 - 1978)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội (năm 2006 in lại trong Tổng tập Trần Văn Giàu); Cao Văn Lượng (1977), *Công nhân miền Nam Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội; Quỳnh Cư (1980), “Tìm hiểu về ‘đội quân chính trị’ của quần chúng trong cách mạng

miền Nam (1954 - 1975)”, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 3; Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận, tập III*, NXB Văn học, Hà Nội; Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (1996), *Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thắng lợi và bài học*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Trịnh Nhu (Chủ biên) (1998), *Lịch sử phong trào nông dân và hội nông dân Việt Nam từ 1930 đến 1995*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Trần Thị Thu Hương (2003), *Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh chống phá “Quốc sách” áp chiến lược của Mỹ - nguy ở miền Nam Việt Nam (1961 - 1965)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Viện Sử học (2017), *Lịch sử Việt Nam (tái bản lần thứ nhất)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

Bên cạnh những công trình trong nước, có khá nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài đề cập đến vai trò của ĐTCT tại miền Nam: Jerrold Schecter (1967), *The New Face of Buddha*, John Weatherhill, Tokyo; Avro Manhattan (1984), “*Vietnam why did We go?*”, Chick publications, USA; Neil Sheehan (nhiều người dịch - Lê Minh Đức hiệu đính và giới thiệu) (1990), *Sự lừa dối hào nhoáng*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh; Robert S. McNamara (1995), *Nhìn lại quá khứ - tấn thâm kịch và những bài học về Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Thomas L. Ahern (2000), *CIA and the House of Ngo: Covert Action in South Vietnam, 1954 - 1963*, U.S.A; Gabriel Kolko (Nguyễn Tấn Cru dịch) (2003), *Giải phẫu một cuộc chiến tranh*, NXB Quân đội Nhân dân, Hà Nội; Edward Miller (2016), *Liên minh sai lầm: Ngô Đình Diệm, Mỹ và số phận Nam Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội;...

- Các công trình nghiên cứu về ĐTCT ở từng địa phương của miền Nam: Hồ Hữu Nhựt (1986), *Phong trào đấu tranh chống Mỹ của giáo chức, học sinh, sinh viên Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Viện Khoa học giáo dục, Hà Nội; Nguyễn Đình Thống (1994), *ĐTCT của các chiến sĩ cách mạng trong nhà tù Côn Đảo (1955 - 1975)*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Viện Mác - Lênin trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương, Hà Nội; Bùi Thị Thu Hà (2002), *Đồng bào Phật giáo Hòa Hảo An Giang trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*; Phí Văn Thức (2006), *Đảng lãnh đạo ĐTCT tại một số đô thị lớn miền Nam từ năm 1961 đến năm 1968*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội; Huỳnh Thị Liêm (2006), *Phong trào đấu tranh chống, phá áp chiến lược ở miền Đông Nam Bộ (1961 - 1965)*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Trường Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Bùi Văn Toàn (2012), *Quá trình tổ chức và rèn luyện lực lượng đấu tranh của các chiến sĩ cách mạng ở Nhà tù*

Côn Đảo 1957 - 1975, Luận án Tiến sĩ khoa học Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh; Lê Quý Thi (2013), *Phong trào ĐTCT ở Sài Gòn - Gia Định (1969 - 1975)*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, Bộ Quốc phòng, Hà Nội; Trần Thị Lan (2014), *ĐTCT ở Tây Nguyên trong kháng chiến chống Mỹ từ năm 1961 đến năm 1968*, Luận án Tiến sĩ Sử học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế; Nhiều tác giả (2015), *Lịch sử phong trào đô thị Huế 1954 - 1975*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh; Nguyễn Trung Triều (2018), *ĐTCT ở Khánh Hòa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)*, Luận án Tiến sĩ Sử học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế; Từ Ánh Nguyệt (2019), *ĐTCT ở Quảng Nam - Đà Nẵng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ từ năm 1954 đến năm 1965*, Luận án Tiến sĩ Sử học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu về đấu tranh chính trị ở Quảng Trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

- Các công trình nghiên cứu về những nhân tố tác động đến ĐTCT ở Quảng Trị: Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị (1996), *Lịch sử Đảng bộ Quảng Trị, Tập I (1930 - 1954)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Trần Văn Lực (2016), *Khu ủy Trị - Thiên - Huế trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước từ năm 1966 đến năm 1975*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

- Các công trình nghiên cứu về lực lượng ĐTCT ở Quảng Trị: Tuệ Giác (1964), *Việt Nam - Phật giáo tranh đấu sử*, NXB Hoa Nghiêm, Sài Gòn; Lê Cung (1997), *Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Quốc gia Hà Nội; Lê Cung (2014), *Phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam (1964 - 1968)*, NXB Thuận Hóa, Huế; Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Trị (1998), *Lịch sử phong trào công nhân và công đoàn tỉnh Quảng Trị (1929 - 1995)*, NXB Lao động, Hà Nội; Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Quảng Trị (2000), *Truyền thống đấu tranh cách mạng của giai cấp nông dân và Hội Nông dân tỉnh Quảng Trị 1930 - 2000*, Quảng Trị; Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Quảng Trị (2007), *Lịch sử phong trào phụ nữ Quảng Trị*, NXB Thuận Hóa, Huế; Tỉnh ủy Quảng Trị - Ban Tuyên giáo (2009), *Lịch sử đấu tranh yêu nước và cách mạng tại nhà lao Quảng Trị*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- Các công trình nghiên cứu có đề cập đến nội dung ĐTCT ở Quảng Trị: Ban Chấp hành Tỉnh Đảng bộ Quảng Trị (1974), *Những sự kiện lịch sử Đảng (1954 - 1973)*, Quảng Trị; Viện Mác - Lê-nin -

Viện Lịch sử Đảng (1985), *Những sự kiện Lịch sử Đảng (tập III)*, NXB Thông tin Lý luận, Hà Nội; Ban Tổng kết chiến tranh chiến trường Trị - Thiên - Huế (1985), *Chiến trường Trị - Thiên - Huế trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước toàn thắng*, NXB Thuận Hóa, Huế; Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy Quảng Trị (1990), *Quảng Trị 60 năm những chặng đường lịch sử*, Sở Văn hóa thông tin Quảng Trị; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị (1999), *Lịch sử Đảng bộ Quảng Trị (1954 - 1975), Tập II*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Tỉnh ủy Quảng Trị - Ban Dân vận (2007), *Lịch sử công tác dân vận của Đảng bộ tỉnh Quảng Trị (1930 - 2005)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội; Nguyễn Tiên Lược (2008), *Phong trào ĐTCT trong kháng chiến chống Mỹ ở Quảng Trị, giai đoạn 1954 - 1963*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế; Lê Hồng Sơn (2012), *Phong trào ĐTCT ở Quảng Trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, giai đoạn 1965 - 1968*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế; Hoàng Chí Hiếu (2012), *Khu phi quân sự - Vỹ tuyến 17 trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước những năm 1954 - 1967*, Luận án Tiến sĩ Sử học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế; Lê Cung (Chủ biên) (2015), *Về phong trào đô thị miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh; Ngoài ra, còn phải kể đến một số cuốn sách lịch sử Đảng bộ của các địa phương trong tỉnh...

Những công trình kể trên đã cung cấp cho chúng tôi nhiều tư liệu quý giá, những nhận định đáng tin cậy về ĐTCT ở Quảng Trị, thiết thực gợi mở ý tứ cho chúng tôi trong quá trình thực hiện luận án.

1.2. Những vấn đề đặt ra cần được tiếp tục nghiên cứu

Nhìn chung, các công trình, luận án Tiến sĩ, luận văn Thạc sĩ, đề tài nghiên cứu liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến ĐTCT ở MNVN trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) đã được công bố khá nhiều. Tuy nhiên, về ĐTCT ở Quảng Trị trong thời gian từ cuối tháng 7 năm 1954 đến ngày 19 tháng 3 năm 1975 vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ, toàn diện và có hệ thống. Do sự chi phối bởi đối tượng, phạm vi nghiên cứu nên các công trình, bài viết chỉ chủ yếu đề cập ĐTCT tại các đô thị lớn ở miền Nam như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang; bên cạnh đó, đã có một số luận án Tiến sĩ nghiên cứu chuyên sâu về ĐTCT tại một số địa phương khác ở miền Nam. Về ĐTCT tại Quảng Trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

(1954 - 1975), chỉ có một số luận văn Thạc sĩ đề cập tương đối cụ thể, nhưng chỉ nghiên cứu về từng giai đoạn ĐTCT nhất định, tư liệu tiếp cận chưa đầy đủ nên các kết luận đưa ra chưa đủ sức thuyết phục. Đặc biệt, việc đối sánh với các địa phương khác để rút ra đặc điểm riêng của ĐTCT ở Quảng Trị còn nhiều hạn chế.

Từ đó, luận án tiếp tục làm rõ một số vấn đề sau:

Một là, trên cơ sở cập nhật và khảo cứu nguồn tài liệu từ nhiều phía (đặc biệt là các tài liệu lưu trữ), luận án tập trung luận giải một cách có hệ thống âm mưu, biện pháp thống trị của Mỹ và chính quyền VNCH đối với Quảng Trị từ cuối năm 1954 đến đầu năm 1975, tập trung đi sâu vào chính sách “*tố Cộng*”, “*áp chiến lược*” - “*áp tân sinh*” và nhiều biện pháp khác về quân sự, chính trị - tư tưởng, kinh tế - xã hội và văn hóa - giáo dục... Từ đó, làm rõ những thủ đoạn thâm độc của Mỹ và chính quyền VNCH trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị tại Quảng Trị.

Hai là, làm rõ đường lối, chủ trương chỉ đạo của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Liên Khu ủy IV, Liên Khu ủy V, Liên Tỉnh ủy Trị - Thiên, Khu ủy Trị - Thiên - Huế và Tỉnh ủy Quảng Trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), từ đó thấy được sự đúng đắn, sáng tạo trong chỉ đạo của Đảng các cấp, đồng thời thấy được những hạn chế, thiếu sót trong lãnh đạo và tổ chức ĐTCT.

Ba là, tái hiện một cách chi tiết và đầy đủ về ĐTCT của nhân dân Quảng Trị từ cuối năm 1954 đến đầu năm 1975 như: ĐTCT chống chế độ độc tài gia đình trị, giáo trị Ngô Đình Diệm (cuối năm 1954 - cuối năm 1963); ĐTCT chống Mỹ, chính quyền quân phiệt Nguyễn Khánh, chính quyền dân sự Trần Văn Hương (cuối năm 1963 - giữa năm 1965); ĐTCT chống Mỹ và chính quyền Nguyễn Văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ (giữa năm 1965 - đầu năm 1975).

Các phong trào đấu tranh này được khai thác trên các khía cạnh cụ thể về mục tiêu đấu tranh, lực lượng lãnh đạo, lực lượng tham gia, diễn biến đấu tranh, ý nghĩa lịch sử và đặc biệt là chỉ rõ những mặt hạn chế của các phong trào đấu tranh đó. Rút ra những đặc điểm nổi bật của ĐTCT ở Quảng Trị qua cái nhìn đối sánh với ĐTCT ở một số địa phương khác tại miền Nam trong cùng thời gian, sự sáng tạo của Đảng các cấp và nhân dân Quảng Trị trong ĐTCT. Chứng minh và khẳng định vai trò to lớn của ĐTCT đối với một tỉnh giới tuyến nói riêng và cách mạng miền Nam nói chung trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).

Chương 2

ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ Ở QUẢNG TRỊ TỪ NĂM 1954 ĐẾN NĂM 1965

2.1. Những nhân tố tác động đến đấu tranh chính trị ở Quảng Trị

2.1.1. Điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội của Quảng Trị (1954 - 1975)

2.1.1.1. Điều kiện tự nhiên

Quảng Trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) nằm ở địa đầu giới tuyến của VNCH, có vị trí địa chiến lược đặc biệt quan trọng; diện tích tự nhiên 4.741 km², dân số 299.713 người (năm 1967); phía Đông giáp Biên Đông; phía Tây giáp Lào; phía Bắc giáp đặc khu Vĩnh Linh của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa; phía Nam giáp tỉnh Thừa Thiên - Huế. Địa hình Quảng Trị thấp dần từ Tây sang Đông, Đông Nam. Về khí hậu, Quảng Trị nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa.

2.1.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), dưới sự quản lý của chính quyền VNCH, kinh tế Quảng Trị rất khó khăn, vẫn là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, chủ yếu dựa vào viện trợ của Mỹ. Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có 3 dân tộc chính: Kinh, Vân Kiều và Pa Cô. Nhân dân Quảng Trị có truyền thống cần cù, hiếu học; sáng tạo trong lao động sản xuất, tương thân, tương ái, giúp đỡ nhau trong đời sống, trong sản xuất, nhất là khi có sự biến động xuất như chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh. Quảng Trị còn là vùng đất có truyền thống lịch sử, văn hóa, yêu nước và cách mạng.

2.1.2. Truyền thống yêu nước và cách mạng của nhân dân Quảng Trị trước Hiệp định Genève (21-7-1954)

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam, nhân dân Quảng Trị cùng nhân dân cả nước đứng lên kháng Pháp. Năm 1930, Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Trị ra đời. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 10-1930, đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương) và Đảng bộ tỉnh, nhân dân Quảng Trị cùng nhân dân cả nước tiến hành ba cao trào cách mạng: phong trào cách mạng 1930 - 1931, phong trào dân chủ 1936 - 1939, phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945. Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc.

Hưởng ứng "*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*" của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946), Đảng bộ và nhân dân Quảng Trị cùng với nhân dân cả nước nhất tề đứng dậy kháng Pháp bảo vệ nền độc lập dân tộc. Suốt chín năm kháng chiến, quân và dân Quảng Trị đã lập được nhiều chiến công, tạo điều

kiện cho quân ta giành thắng lợi ở Điện Biên Phủ (7-5-1954), buộc thực dân Pháp phải ký HĐ Genève (21-7-1954), chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương.

2.1.3. Chính sách của Mỹ và chính quyền Việt Nam cộng hòa ở Quảng Trị từ năm 1954 đến năm 1965

2.1.3.1. Về chính trị - quân sự

Cuối năm 1954, Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu thành lập Đảng “*Cần lao nhân vị*”, lấy “*Chủ nghĩa nhân vị*” làm hệ tư tưởng của Đảng. Đề hợp pháp hóa chế độ VNCH, ngày 23-10-1955, Mỹ hỗ trợ cho Ngô Đình Diệm tiến hành trưng cầu dân ý, phê truất Bảo Đại, suy tôn Ngô Đình Diệm làm Tổng thống. Ngày 4-3-1956, Ngô Đình Diệm tổ chức bầu cử Quốc hội riêng rẽ, đến ngày 26-10-1956, ban hành Hiến pháp, lập ra nền “*Đệ nhất Cộng hòa*”. Dưới sự thống trị của Ngô Đình Diệm, tỉnh trưởng Quảng Trị đều là người Thiên Chúa giáo.

Năm 1958, chính quyền VNCH chia Quảng Trị thành 7 quận, 86 xã. Nhằm loại bỏ những người Cộng sản ở miền Nam, chính quyền VNCH thực hiện chiến dịch “*tố Cộng*”. Cuối tháng 11-1961, chính quyền VNCH tiến hành xây dựng “*ấp chiến lược*” ở 4 thôn thí điểm. Đầu tháng 3-1962, Tỉnh trưởng Quảng Trị triệu tập cuộc họp, bàn việc lập “*ấp chiến lược*” trên phạm vi toàn tỉnh. Sau đảo chính 1-11-1963, hàng loạt chức vụ chủ chốt của chính quyền VNCH ở Quảng Trị bị thay thế.

Ngày 16-8-1964, Nguyễn Khánh cho ra đời “*Hiến chương Vũng Tàu*”, thực chất là thiết lập chế độ độc tài quân phiệt. Ngày 31-10-1964, Phan Khắc Sửu bổ nhiệm Trần Văn Hương giữ chức Thủ tướng, chính phủ dân sự được thành lập. Sáng 27-1-1965, Nguyễn Khánh tiến hành đảo chính giải tán chính phủ dân sự Trần Văn Hương. Đến ngày 16-2-1965, Nguyễn Khánh chỉ định nội các mới do Phan Huy Quát làm Thủ tướng, ba ngày sau đó (19-2-1965), Nguyễn Khánh bị lật đổ và phải lưu vong ra nước ngoài.

Về quân sự, năm 1955, chính quyền VNCH bố trí ở Quảng Trị một trung đoàn của Sư đoàn 1, 10 đại đội bảo an, 50 trung đội dân vệ, 3 đại đội cảnh sát. Trước khi diễn ra phong trào “*Đông khởi*” ở nông thôn đồng bằng (5-7-1964), tại Quảng Trị, quân đội VNCH có 2 trung đoàn bộ binh, 2 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn cơ giới, 12 đại đội bảo an, 92 trung đội dân vệ, 5.600 thanh niên chiến đấu.

2.1.3.2. Về kinh tế - xã hội

Thực hiện chính sách của Nhà Trắng, tháng 1-1955, chính quyền VNCH thực hiện “*Cải cách điền địa*”. Tháng 4-1957, Mỹ và chính quyền VNCH tiến hành chính sách dinh điền. Tại Quảng Trị, ngoài việc bắt ép người dân đi dinh điền vào Tây Nguyên và Nam Bộ, chính quyền VNCH

còn thành lập một số dinh điền ngay tại địa phương. Bên cạnh đó, chính quyền VNCH còn đề ra “*Chương trình cải tiến dân sinh*” tại các vùng nông thôn. Về cơ sở hạ tầng, chính quyền VNCH huy động nhân dân sửa sang và làm thêm các con đường giao thông mới. Về thuế má, chính sách tăng thuế được chính quyền VNCH đặc biệt chú trọng. Sau khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ (1-11-1963), tại Quảng Trị, đến ngày 25-2-1964, chính quyền VNCH mới chỉ thành lập được 403 “*ấp chiến lược*”.

2.1.3.3. Về văn hóa - giáo dục

Về văn hóa, Mỹ và chính quyền VNCH ra sức tuyên truyền chủ nghĩa chống Cộng, thi hành chính sách kỳ thị tôn giáo, trước hết là Phật giáo. Về giáo dục, hệ thống trường học các cấp trong toàn tỉnh được chính quyền VNCH hoàn thiện dần.

2.1.4. Chủ trương đấu tranh chính trị của Đảng Lao động Việt Nam

Ngày 6-9-1954, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về nhiệm vụ của Đảng ở miền Nam trong giai đoạn mới. Tháng 1-1959, Nghị quyết Trung ương 15 ra đời, chủ trương khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Ngay sau phong trào “*Đông khởi*” (1959 - 1960) ở miền Nam, ngày 11-11-1960, Bộ Chính trị điện cho Liên Khu ủy V, chỉ đạo phối hợp ĐTCT với đấu tranh vũ trang (ĐTVT). Khi Mỹ thực hiện chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*”, cuối năm 1962, Bộ Chính trị nhấn mạnh và làm rõ thêm tầm quan trọng của ĐTCT.

Trong bối cảnh phong trào Phật giáo miền Nam phát triển mạnh mẽ đòi tự do tín ngưỡng, chống kỳ thị tôn giáo từ giữa năm 1963, ngày 22-8-1963, Mặt trận Dân tộc Giải phóng (DTGP) MNVN ra tuyên bố kịch liệt phản đối chính quyền VNCH. Sau cuộc đảo chính lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm (ngày 1-11-1963), tháng 12-1963, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam họp Hội nghị lần thứ 9, xác định kết hợp linh hoạt ĐTCT với ĐTVT tùy từng vùng và từng thời kỳ khác nhau.

Quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng, Liên khu ủy IV, Liên Khu ủy V và Liên Tỉnh ủy Trị - Thiên, Tỉnh ủy Quảng Trị kịp thời đề ra những chủ trương cụ thể, phù hợp với tình hình địa phương.

2.2. Nội dung đấu tranh chính trị ở Quảng Trị từ năm 1954 đến năm 1965

2.2.1. Đòi thi hành Hiệp định Genève và chống chính sách “*tố Cộng*”

Ngay sau HĐ Genève (21-7-1954¹), trên địa bàn toàn tỉnh bùng nổ phong trào đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử. Ngày 23-10-1955,

¹. Trước đây lấy ngày 20-7-1954 làm ngày ký HĐ.

Mĩ hỗ trợ Ngô Đình Diệm tổ chức “*trung cầu dân ý*” nhằm phế truất Bảo Đại, đưa Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống. Nhân dân tại nhiều địa phương trong tỉnh tiến hành tẩy chay, phản đối cuộc bầu cử với nhiều hình thức đấu tranh phong phú. Đến cuối năm 1957, cán bộ, đảng viên vẫn tích cực bám đất, bám dân, kiên trì xây dựng lực lượng cách mạng. Đầu năm 1958, phong trào cách mạng dần phục hồi. Trên địa bàn toàn tỉnh xuất hiện một số cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân chống đóng góp tiền của, chống đi phu, chống bắt lính, chống bắt đi dinh điền Cù (Cam Lộ), chống cướp đoạt ruộng đất, đòi giải quyết nạn đói, đòi được tự do đi lại làm ăn.

2.2.2. Phối hợp với lực lượng vũ trang tiến hành “*Đông khởi*” miền núi

Được sự soi sáng của Nghị quyết 15 (1-1959), nhân dân Quảng Trị cùng nhân dân miền Nam đứng lên đấu tranh chống Mỹ và chính quyền VNCH. Hoảng sợ trước sự phát triển nhanh chóng của phong trào cách mạng, ngày 6-5-1959, chính quyền VNCH ban hành Luật 10/59, thẳng tay chém giết những người yêu nước. Những chính sách đó không dập tắt được phong trào đấu tranh của nhân dân Quảng Trị, đến cuối năm 1959 vẫn bùng nổ nhiều cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân.

Ở Hướng Hóa, cuối năm 1959 - đầu năm 1960, chính quyền VNCH gần như tan rã, bảo an, dân vệ chỉ còn chốt giữ ở một số địa điểm nhất định. Sang năm 1960, phong trào “*Đông khởi*” ở miền núi Hướng Hóa phát triển mạnh. Qua phong trào “*Đông khởi*” miền núi, bước đầu giải phóng được một số thôn xã, trong đó có 3 xã Nam Hướng Hóa, 5 thôn của Ba Lòng và một số thôn của xã Hải Phúc (Hải Lăng).

2.2.3. Đòi dân sinh, dân chủ và chống phá “*áp chiến lược*”

Tháng 1-1961, khắp các địa phương trong toàn tỉnh diễn ra phong trào đấu tranh của quần chúng chống chính quyền VNCH bắt đi dự mít tinh, học tập về việc bầu cử “*Tổng thống*”. Trong năm 1961, lực lượng cách mạng tổ chức rải nhiều truyền đơn tại các miền đồng bằng và cận sơn trong tỉnh, với nội dung chống phá cuộc bầu cử Tổng thống và Phó Tổng thống, kêu gọi nhân dân miền Nam ủng hộ Mặt trận DTGP MNVN, chống lại chế độ VNCH.

Ở Khu phi quân sự Nam, ĐTCT diễn ra với nhiều hình thức phong phú như chống đàn áp, khủng bố; chống kế hoạch trồng tre dọc bờ Nam sông Bến Hải; đòi mở rộng việc trao đổi thư từ, bưu thiếp; đưa đơn đòi chính quyền VNCH phải tiến hành cứu đói; chống rào làng, lập “*áp chiến lược*”; chống những hoạt động xâm nhập trái phép;...

Tháng 11 năm 1962, phía cách mạng tổ chức phá một số “*áp chiến lược*” ở thôn Giáp Hậu (Hải Trường), Tân Mỹ (Hải Lệ), Trầm (Hải Sơn)... Trong 6 tháng đầu năm 1963, nhân dân Quảng Trị tập trung ĐTCT

“chống rào làng, đồn dân lập ‘ấp chiến lược’, chống khủng bố, ‘tổ Cộng’, chống cắm rừng, chống đi ‘dinh điền’, chống bắt lính..., chống áp bức đồng bào Phật giáo”.

2.2.4. Đòi tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo

Nổi bật trong ĐTCT ở Quảng Trị là phong trào Phật giáo chống chính quyền VNCH, đòi tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo bắt đầu từ đầu tháng 5-1963. Tối 8-5-1963, chính quyền VNCH tiến hành cuộc đàn áp đẫm máu đồng bào Phật tử tại Đài phát thanh Huế làm 8 Phật tử thiệt mạng và nhiều người bị thương. Ngày 10-5-1963, Tăng Ni, Phật tử tổ chức mít tinh tại chùa Từ Đàm (Huế), ra Tuyên ngôn gồm 5 nguyện vọng, đòi chính quyền VNCH thực thi chính sách bình đẳng tôn giáo, tự do tín ngưỡng. Ngày 1-6-1963, gần 10.000 Tăng Ni, Phật tử thị xã Quảng Trị và vùng phụ cận tổ chức một cuộc biểu tình tuân hành quy mô lớn, kéo đến dinh Tỉnh trưởng chuyên kiến nghị: *“Yêu cầu Chính phủ giải quyết 5 nguyện vọng của Phật giáo đồ”.*

Đêm 20, rạng ngày 21-8-1963, chính quyền VNCH thực hiện *“Kế hoạch nước lũ”*, ban hành lệnh giới nghiêm và tấn công các chùa trên toàn miền Nam. Tại thị xã Quảng Trị, vào lúc 4 giờ sáng ngày 21-8-1963, Ty Thông tin cho xe loan báo lệnh giới nghiêm. Đến 5 giờ sáng, cảnh sát VNCH đột nhập vào chùa Tinh Hội, bắt 42 Tăng Ni, Phật tử đưa về Ty Công an. Trước sức ép của quần chúng nhân dân, chính quyền VNCH phải trả tự do cho hầu hết Tăng Ni, Phật tử bị bắt.

Sau *“Kế hoạch nước lũ”* của chính quyền VNCH, Tăng Ni, Phật tử Quảng Trị chuẩn bị hồ sơ tố cáo những vi phạm Thông cáo chung của chính quyền VNCH. Cuối năm 1963, Mỹ buộc phải quyết định *“thay ngựa giữa dòng”*, ủng hộ nhóm tướng lĩnh VNCH do Dương Văn Minh cầm đầu tiến hành cuộc đảo chính ngày 1-11-1963, lật đổ Ngô Đình Diệm.

2.2.5. Chống độc tài, quân phiệt

Ngay sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ (1-11-1963), Mặt trận DTGP MNVN ra *“Tuyên bố về tình hình miền Nam sau cuộc đảo chính ngày 1-11-1963”*. Ngày 3-11-1963, nhân dân thị xã Quảng Trị bắt Tỉnh trưởng Nguyễn Quốc Quỳnh phải tự tay cầm búa đập vào mặt tượng Ngô Đình Diệm. Ngày 26-11-1963, khi được tin Nguyễn Tri Sơn đến nhận chức Tỉnh trưởng, 3.000 giáo viên, học sinh trường Nguyễn Hoàng, Bồ Đề tổ chức biểu tình đả đảo Nguyễn Tri Sơn. Sáng hôm sau (27-11-1963), giáo viên, học sinh các trường công, tư thục và nhân dân thị xã tiếp tục tham gia biểu tình, sau đó tuần hành qua các đường phố: Quang Trung, Trần Hưng Đạo, Gia Long,...

Ngày 25-8-1964, học sinh, giáo chức các trường công, tư thục trong thị xã Quảng Trị cùng với mọi giới đồng bào, kể cả đồng bào ven thị như

Xuân Yên, Nhan Biều, Trung Kiên, Chợ Sãi tổ chức biểu tình với khoảng 10.000 người tham gia chống chính quyền độc tài Nguyễn Khánh. Trước cường độ đấu tranh ngày càng gia tăng của nhân dân các đô thị, trong đó có đô thị Quảng Trị, cũng ngày 25-8-1964, Nguyễn Khánh buộc phải ra Tuyên cáo với nội dung thu hồi “*Hiến chương Vũng Tàu*” (16-8-1964).

Phong trào đô thị miền Nam nói chung và thị xã Quảng Trị, thị xã Đông Hà nói riêng, phát triển mạnh góp phần động viên nhân dân ở vùng nông thôn đồng bằng hưởng ứng đấu tranh. Cùng với phong trào ĐTCT của nhân dân các đô thị miền Nam, phong trào đô thị Quảng Trị đã góp phần làm lung lay tận gốc chính quyền VNCH. Sáng ngày 27-1-1965, Nguyễn Khánh tiến hành đảo chính lật đổ chính phủ dân sự Trần Văn Hương. Đây là cuộc đảo chính thứ tám chỉ trong vòng hơn một năm kể từ khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ ngày 1-11-1963.

2.2.6. Chống phá “*ấp tân sinh*”, phối hợp với lực lượng vũ trang tiến hành “*Đông khởi*” nông thôn đồng bằng

Tại Hải Lăng, từ ngày 25-1 đến ngày 25-2-1964, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang (LLVT), quần chúng nhân dân nổi dậy phá “*ấp tân sinh*” La Vang, Thượng Xá,... Trên địa bàn các quận Gio Linh, Hải Lăng, Ba Lòng, Cam Lộ, trong vòng 22 ngày (từ ngày 31-1 đến ngày 21-2-1964), quần chúng nhân dân giác ngộ về chính trị nổi dậy phối hợp với du kích địa phương phá 46 “*ấp tân sinh*”. Sau chiến thắng Ba Lòng (9-2-1964), Ủy ban Mặt trận DTGP MNVN tỉnh tổ chức cuộc mít tinh lớn tại Trám để mừng chiến thắng.

Do phong trào đấu tranh chống phá “*ấp tân sinh*” ở Quảng Trị phát triển mạnh, đến ngày 25-2-1964, chính quyền VNCH mới chỉ thành lập được 403 “*ấp tân sinh*” trên toàn tỉnh. Cùng với hoạt động chống phá “*ấp tân sinh*”, công tác binh vận cũng đạt kết quả tốt. Đêm 25-6-1964, cán bộ cách mạng tiến hành vận động binh lính Trung đội Tổng vệ 18 ở Ba Thành (Ba Lòng) đầu hàng. Thực hiện chủ trương của Đảng về “*Đông khởi*” nông thôn đồng bằng, trong vòng 7 tháng (từ ngày 5-7-1964 đến ngày 31-1-1965), trên phạm vi toàn tỉnh Quảng Trị, phía cách mạng đã phát động phá thế kềm kẹp của chính quyền và quân đội VNCH ở 240 thôn, 13 xóm với 127.986 dân.

Thắng lợi liên tiếp trên cả hai mặt quân sự và chính trị của quân dân Quảng Trị trong năm 1964 và đầu năm 1965 đã góp phần quan trọng làm thất bại kế hoạch Johnson - McNamara. Trước sự sụp đổ của chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” (1961 - 1965), Mỹ chuyển sang chiến lược “*Chiến tranh cục bộ*” (1965 - 1968), trực tiếp đưa quân Mỹ vào tham chiến ở MNVN.

Chương 3

ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ Ở QUẢNG TRỊ TỪ NĂM 1965 ĐẾN NĂM 1975

3.1. Chính sách của Mỹ, chính quyền Việt Nam cộng hòa ở Quảng Trị và chủ trương đấu tranh chính trị của Đảng Lao động Việt Nam từ năm 1965 đến năm 1975

3.1.1. Chính sách của Mỹ và chính quyền Việt Nam cộng hòa ở Quảng Trị từ năm 1965 đến năm 1975

3.1.1.1. Về chính trị - quân sự

Nhằm thích ứng với bối cảnh lịch sử mới khi Mỹ tiến hành “*Chiến tranh cục bộ*” tại MNVN (tháng 3-1965), ngày 19-6-1965, Nội các chiến tranh của VNCH ra đời. Tại Quảng Trị, để phù hợp với chính quyền quân sự trung ương, từ tháng 6-1966 vị trí Tỉnh trưởng đều do những người trong quân đội nắm giữ. Các đảng phái và tổ chức chính trị cũng được chính quyền VNCH tạo điều kiện hoạt động mạnh.

Ngày 11-6-1965, chính quyền VNCH lập thêm quận Mai Lĩnh; ngày 21-12-1967, giải thể quận Trung Lương; ngày 29-4-1968, lấy một phần diện tích của quận Cam Lộ và quận Triệu Phong để lập ra quận Đông Hà. Nhằm thực hiện có hiệu quả việc xây dựng “*ấp tân sinh*” vùng nông thôn, chính quyền VNCH tập trung nguồn lực cho công tác xây dựng “*ấp tân sinh*”.

Sau thất bại của chiến lược “*Chiến tranh cục bộ*” (1965 - 1968), Mỹ chuyển sang chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*” (1969 - 1973). Tại Quảng Trị, trong tháng 4-1969, chính quyền VNCH tổ chức nhiều cuộc học tập về Thông điệp của Tổng thống VNCH đọc trước lưỡng viện Quốc hội ngày 7-4-1969, nhằm làm cho “*dân chúng thấu triệt được lập trường hòa bình công chính của Chính phủ*”; tổ chức hội cư cho nhân dân một số xã thuộc quận Đông Hà và quận Cam Lộ.

Bị đòn choáng váng của lực lượng cách mạng trong cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 và thất bại nặng nề trong trận “*Điện Biên Phủ trên không*” (cuối năm 1972), Mỹ buộc phải ký HĐ Paris (27-1-1973) về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, rút hết quân đội về nước (29-3-1973). Tại Quảng Trị, ngay sau HĐ Paris (27-1-1973), chính quyền VNCH đưa dân về 5 xã của quận Triệu Phong và quận Hải Lăng.

Về quân sự, ngày 12-4-1966, Tiểu đoàn 1 (Trung đoàn 1, Sư đoàn 3 thủy quân lục chiến) đến Khe Sanh, đánh dấu sự có mặt của quân Mỹ tại Quảng Trị. Ngày 29-5-1966, lính Mỹ cũng bắt đầu đến sân bay quân sự Đông Hà. Được sự hỗ trợ của lính Mỹ, cuối năm 1966, chính quyền

VNCH mở 3 trận càn lớn. Cuối năm 1967 đến đầu năm 1968, chính quyền VNCH tổ chức nhiều cuộc hành quân “*tìm diệt*” và “*bình định*”.

Sau cuộc hành quân “*Lam Sơn - 719*” (12-2 đến 23-3-1971), từ tháng 4 đến tháng 9-1971, quân đội VNCH liên tiếp tổ chức nhiều cuộc hành quân. Từ 28-6-1972 đến 16-9-1972, chính quyền VNCH vượt sông Mỹ Chánh tiến đánh thị xã Quảng Trị; từ 17-9-1972 đến 27-1-1973, sau khi tái chiếm Thành cổ Quảng Trị và quận Hải Lăng, chính quyền VNCH tiếp tục tiến hành các cuộc hành quân lấn chiếm ra phía Đông và phía Tây, vượt qua sông Nhan Biều, Ái Tử, tiếp tục lấn chiếm vùng giải phóng.

HĐ Paris ký chưa ráo mực, từ 27-1-1973 đến 31-1-1973, quân đội VNCH mở cuộc hành quân “*Sóng thần*” nhằm tái chiếm Cửa Việt. Sang năm 1974, lực lượng quân đội VNCH tại Quảng Trị có gần 1 sư đoàn chủ lực, 9 tiểu đoàn và 1 liên đoàn bảo an, 102 trung đội dân vệ và hơn 3000 phòng vệ dân sự. Trước tình thế bị cách mạng tấn công ở nhiều phía, đến chiều 19-3-1975, số quân đội VNCH còn lại rút chạy khỏi Quảng Trị.

3.1.1.2. Về kinh tế - xã hội

Trong giai đoạn 1965 - 1975, tình hình kinh tế của Quảng Trị cũng không mấy khả quan, dựa chủ yếu vào viện trợ Mỹ, giá cả sinh hoạt leo thang, nạn thất nghiệp ngày càng trầm trọng.

3.1.1.3. Về văn hóa - giáo dục

Về văn hóa, chính quyền VNCH tiếp tục thi hành chính sách khủng bố Phật giáo. Mỹ ra sức du nhập văn hóa phương Tây, tuyên truyền lối sống Mỹ. Về giáo dục, hệ thống trường lớp được chính quyền VNCH mở rộng.

3.1.2. Chủ trương đấu tranh chính trị của Đảng Lao động Việt Nam từ năm 1965 đến năm 1975

Tháng 12-1965, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 12 khẳng định: “*Việc đế quốc Mỹ đưa nhiều quân Mỹ và quân chư hầu vào miền Nam... làm cho địch bị cô lập và thất bại nặng nề hơn về chính trị*”.

Tháng 4-1966, Bộ Chính trị quyết định tách hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên ra khỏi khu V, thành lập Khu ủy và Quân khu Trị - Thiên - Huế, trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị. Ngày 16-6-1966, Quân ủy Trung ương quyết định mở Mặt trận Đường 9 - B5 Quảng Trị.

Năm 1967, trong Nghị quyết số 154-NQ/TW, ngày 27-1-1967, Bộ Chính trị yêu cầu phối hợp chặt chẽ phong trào ĐTCT ở các đô thị và vùng nông thôn do chính quyền VNCH kiểm soát với vùng giải phóng.

Đến tháng 1-1968, nhằm chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 14 nêu rõ: “*kết hợp chặt chẽ đấu tranh quân sự với*

ĐTCT; kết hợp chặt chẽ và khôn khéo hoạt động trong các thành thị với hoạt động ở vùng nông thôn kề cận”.

Tháng 6-1971, Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết thành lập lại Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế (trước đây là Thừa Thiên) và Tỉnh ủy Quảng Trị; giải thể Đảng ủy miền Tây Trị - Thiên và Đảng ủy các Đoàn (các Mặt trận). Ngày 11-3-1972, Thường vụ Quân ủy Trung ương ra Nghị quyết tiến hành cuộc Tiến công chiến lược năm 1972, hướng chủ yếu là chiến trường Trị - Thiên.

Ngay sau HĐ Paris (27-1-1973), ngày 9-2-1973, Bộ Chính trị điện chỉ đạo Khu ủy Trị - Thiên - Huế in nhiều bản HĐ Paris, nghị định thư, lời kêu gọi của Trung ương Đảng và Chính phủ, lời kêu gọi của Mặt trận DTGP và Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa MNVN, v.v... phổ biến rộng rãi trong binh lính và sĩ quan VNCH.

Quán triệt chủ trương của Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Khu ủy Trị - Thiên - Huế, Tỉnh ủy Quảng Trị kịp thời đề ra những chủ trương cụ thể, phù hợp với tình hình địa phương.

3.2. Nội dung đấu tranh chính trị ở Quảng Trị từ năm 1965 đến năm 1975

3.2.1. Đấu tranh chính trị trong buổi đầu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ”

Ngày 9-8-1965, tại thị xã Quảng Trị diễn ra buổi nói chuyện của Hội đồng tỉnh, phía cách mạng nhân dịp này tổ chức quần chúng ĐTCT, tổ cáo Tỉnh trưởng Hoàng Xuân Tुरू ức hiếp nhân dân, yêu cầu vị Tỉnh trưởng này từ chức. Phản ứng với sự việc đêm 22-9-1965, mật vụ VNCH tiến hành ném lựu đạn vào Văn phòng Giáo hội Phật giáo tỉnh Quảng Trị, ngày 26-9-1965, Phật giáo Quảng Trị tổ chức một cuộc biểu tình lớn tại sân chùa Tỉnh Hội với sự tham dự của Thượng tọa Thích Đôn Hậu (đại diện miền Vạn Hạnh) và 50.000 Tăng Ni, Phật tử. Trước sức ép ngày càng gia tăng của nhân dân, ngày 27-9-1965, Tỉnh trưởng Quảng Trị Hoàng Xuân Tुरू xin từ chức.

Phối hợp với cuộc đấu tranh của Tăng Ni, Phật tử, trong những tháng cuối năm 1965, phía cách mạng tổ chức đưa cán bộ về vùng nông thôn đồng bằng, tuyên truyền và phát động quần chúng nhân dân đấu tranh trực diện với chính quyền VNCH. Ngày 5-10-1965, nhân dân xã Cam Chính (Cam Lộ) tổ chức biểu tình chống Mỹ, chính quyền VNCH. Mười ngày sau (15-10-1965), tại thị xã Quảng Trị, công nhân, người lao động tổ chức đình công kỉ niệm ngày mất của Nguyễn Văn Trỗi. Cuộc đình công “*đã làm tê liệt hoạt động chung trong tỉnh*”.

Ngày 9-11-1965, tại ba quận Cam Lộ, Hải Lăng và Triệu Phong, phía cách mạng tổ chức nhiều cuộc mít tinh đưa yêu sách đòi chính quyền VNCH bồi thường thiệt hại chiến tranh. Mặc dù chính quyền VNCH tìm

mọi cách khống chế và đàn áp, song “*Việt Cộng cũng đã gây được phần nào ảnh hưởng trong dân chúng, nhất là đối với đồng bào thị xã*”.

Ngày 5-3-1966, hơn 1.500 đồng bào các thôn Thượng Nghĩa, Phương An, Định Sơn, Cu Hoan, Quật Xá, Hoàn Cát (xã Cam Nghĩa), Mai Đan, Mai Lộc (xã Cam Chính) kéo vào đồn Cồn Trung (xã Cam Chính) đấu tranh, yêu cầu binh lính không được bắn phá bừa bãi, nhân dân phải được tự do đi lại làm ăn, buôn bán. Ngày hôm sau (6-3-1966), nhân dân thôn Nhan Biều, Xuân Yên, Trung Kiên (xã Triệu Thượng, Triệu Phong) nhập thị, tập trung trước dinh Tỉnh trưởng Quảng Trị, yêu cầu Tỉnh trưởng không để binh lính VNCH ở căn cứ La Vang bắn phá bừa bãi vào thôn, xóm.

Những hoạt động quân sự và chính trị mạnh mẽ từ phía cách mạng đã góp phần quan trọng làm nội bộ chính quyền VNCH ngày càng lục đục. Ngày 11-3-1966, Nguyễn Cao Kỳ - Thủ tướng chính quyền VNCH ra lệnh cách chức Nguyễn Chánh Thi, Tư lệnh Vùng I Chiến thuật, kiêm Đại biểu Chính phủ tại Vùng I; đồng thời gạt Nguyễn Chánh Thi ra khỏi Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia. Tranh thủ mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền VNCH, giới lãnh đạo Phật giáo miền Nam phát động phong trào đấu tranh chống Mỹ và chính quyền Nguyễn Văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ, ĐTCT ở Quảng Trị chuyển sang một giai đoạn mới.

3.2.2. Đòi thành lập chính phủ dân sự

Ngày 16-3-1966, “*Tỉnh Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất Quảng Trị*” tổ chức mít tinh tại chùa Tỉnh hội, phổ biến và giải thích bản Thông cáo số 21 ngày 12-3-1966 của Viện Hóa Đạo. Tại cuộc mít tinh này, quần chúng yêu cầu triệu tập “*Đại hội dự thảo Hiến pháp*”, đòi các tướng lĩnh phải trở lại cương vị quân sự, thực chất là đòi lật đổ chính quyền Nguyễn Văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ. Phối hợp với nhân dân thị xã Quảng Trị, nhân dân Triệu Phong, Hải Lăng kéo vào thị xã, bao vây dinh Tỉnh trưởng, đòi phải bồi thường những thiệt hại do bom, pháo gây ra ở các xã Triệu Thượng (Triệu Phong), Hải Phú, Hải Lâm (Hải Lăng)... Cùng ngày, học sinh trường công lập Gio Linh tổ chức bãi khóa phản đối chính quyền Nguyễn Văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ về việc cách chức Nguyễn Chánh Thi. Trước sức ép của phong trào, Tỉnh trưởng Quảng Trị liền bỏ trốn.

Từ cuối tháng 3-1966, phong trào thu hút hầu hết các giai tầng xã hội tham gia. Nhiều cuộc đấu tranh nổ ra từ tháng 4 đến tháng 6-1966. Để dập tắt phong trào Phật giáo đang diễn ra mạnh mẽ khắp miền Nam, ngày 19-6-1966, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ cho quân đội tấn công Huế, lùng bắt, tra tấn và đánh đập dã man những người tham gia phong trào. Sau đó, chính quyền VNCH đưa quân ra Quảng Trị xô đổ các bàn thờ, truy bắt những người tham gia phong trào. ĐTCT tại Quảng Trị tạm thời lắng xuống từ ngày 29-6-1966.

3.2.3. Chống phá bầu cử Quốc hội, khôi phục và phát triển lực lượng, góp phần vào cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968

Do sự đàn áp của chính quyền VNCH, trong tháng 7-1966, ĐTCT ở Quảng Trị tạm lắng. Đến tháng 8-1966, ĐTCT tại Quảng Trị tiếp tục diễn ra sôi nổi với việc phía cách mạng đẩy mạnh tuyên truyền, tổ chức học tập đã kích cuộc bầu cử sẽ diễn ra vào ngày 11-9-1966 của chính quyền VNCH. Sang tháng 9-1966, phía cách mạng tổ chức đấu tranh chống bầu cử, chống càn quét bảo vệ mùa màng, chống dồn dân, bắt lính... Về vấn đề chống bầu cử, tại thị xã Quảng Trị, mặc dù chính quyền VNCH ra lệnh giới nghiêm, bắt bớ những người chống đối, nhưng “*Hội cứu nguy Phật giáo*”, “*Hội cứu nguy dân tộc*”, thanh niên, học sinh vẫn tiến hành rải truyền đơn, kêu gọi tẩy chay bầu cử, tuyệt thực phản đối chính quyền Nguyễn Văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ.

Tính chung, trong tháng 9-1966, trên địa bàn toàn tỉnh có tất cả 70 cuộc ĐTCT. Tuy nhiên, phong trào ĐTCT trong tháng 9-1966 diễn ra “*chưa đều, chưa mạnh, chưa sôi nổi, chưa đi kịp với thắng lợi quân sự*”. Tháng 11-1966, phía cách mạng tiếp tục tổ chức rải truyền đơn, tuyên truyền giáo dục quần chúng chống Mỹ, chống chính quyền VNCH, tuyên truyền đường lối của Mặt trận DTGP MNVN, đấu tranh chống binh lính VNCH bắn phi pháo vào các thôn xóm, vận động binh sĩ trở về với cách mạng.

3.2.4. Đòi dân sinh, dân chủ

Từ cuối năm 1968 đến đầu năm 1972, các cấp ủy Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh với chính quyền VNCH đòi giải quyết các vấn đề bức xúc của đời sống, đòi trở về làng cũ, đòi tự do đi lại làm ăn, đòi Mỹ rút quân về nước, chống kỉ niệm “*Quốc khánh 1-11*”, chống âm mưu và hành động bình định cấp tốc, chống ép buộc vào phòng vệ dân sự, chống thanh lọc, chống đi ngủ tập trung, chống học tập “*4 không*”, chống lập tổ hợp gia đình, chống bầu cử gian lận, vận động binh lính VNCH đứng về phía cách mạng. Đặc biệt, nhân chiến thắng Đường 9 - Nam Lào (12-2 đến 23-3-1971), phía cách mạng huy động 5.500 lượt người tham gia đấu tranh, tuyên truyền về hòa bình cho binh lính Mỹ và quân đội VNCH. Phong trào đấu tranh chống bắt lính, phá rã phòng vệ dân sự cũng đạt nhiều kết quả, lôi kéo được 218 phòng vệ dân sự bỏ lính về nhà làm ăn.

Ngày 30-3-1972, cuộc Tiến công chiến lược đánh vào Quảng Trị mở màn, ngày 1-5-1972, tỉnh Quảng Trị được hoàn toàn giải phóng (sau đó bị quân đội VNCH tái chiếm khu vực phía Nam sông Thạch Hãn). Tuy vậy, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, cán bộ, đảng viên còn “*xem nhẹ vấn đề vận động quần chúng đấu tranh, vấn đề tổ chức lực lượng chính trị (LLCT)*”.

3.2.5. Đòi thi hành Hiệp định Paris, phối hợp với lực lượng vũ trang tham gia Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

Sau HĐ Paris (27-1-1973), Tỉnh ủy Quảng Trị lãnh đạo nhân dân đấu tranh đòi Mỹ và chính quyền VNCH phải nghiêm túc thi hành HĐ. Ngày 6-6-1973, trụ sở làm việc của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa MNVN được khánh thành tại thôn Tây Hòa (nay là khu phố Tây Hòa, thị trấn Cam Lộ). Trước tình thế bị tấn công từ nhiều phía, cả quân sự lẫn chính trị, đến chiều ngày 19-3-1975, chính quyền và quân đội VNCH ở địa phương rút chạy, tỉnh Quảng Trị hoàn toàn giải phóng.

Chương 4 **MỘT SỐ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ** **VỀ ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ Ở QUẢNG TRỊ** **(1954 - 1975)**

ĐTCT ở Quảng Trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) đạt được kết quả thắng lợi hoàn toàn, góp phần trực tiếp vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; để lại những nét riêng của một địa phương cấp tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ kháng chiến. Qua nghiên cứu ĐTCT tại Quảng Trị (1954 - 1975), chúng tôi rút ra một số nhận xét, đánh giá như sau:

4.1. Tính chất

Dân tộc và dân sinh, dân chủ là hai nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam nói chung và ĐTCT ở Quảng Trị nói riêng. Hai nhiệm vụ này được thực hiện đồng thời, đan xen, hỗ trợ lẫn nhau.

4.2. Đặc điểm

ĐTCT ở Quảng Trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) diễn ra quyết liệt trên cả ba vùng chiến lược, quy mô rộng lớn, hình thức và biện pháp đấu tranh phong phú, đa dạng; kết hợp chặt chẽ với ĐTCT ở Thừa Thiên - Huế và cách mạng miền Nam, có sự hậu thuẫn của miền Bắc xã hội chủ nghĩa và vùng giải phóng rộng lớn, nhất là từ sau HĐ Paris (27-1-1973).

4.3. Vai trò

ĐTCT tại Quảng Trị vai trò đặc biệt quan trọng trong việc cổ vũ, động viên nhân dân miền Nam kháng chiến chống Mỹ; góp phần đẩy chính quyền VNCH lâm vào khủng hoảng triền miên, làm chính quyền VNCH tại địa phương bất lực trong một số thời điểm, buộc chính quyền Trung ương phải nhiều lần thay đổi Tỉnh trưởng. Từ nhiều dẫn chứng cụ thể đã được trình bày ở chương 2 và chương 3, chúng ta có thể khẳng định rằng: ĐTCT tại Quảng

Trị đã hoàn thành tốt vai trò là một trong hai mũi tiến công bên cạnh đấu tranh quân sự trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), vai trò này thực sự nổi bật trong giai đoạn thứ nhất (từ sau khi ký HĐ Genève 21-7-1954 đến năm 1965, thời điểm kết thúc chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*”).

4.4. Ý nghĩa lịch sử

ĐTCT tại Quảng Trị chứng minh lòng yêu nước, tinh thần đấu tranh anh dũng, kiên cường của nhân dân Quảng Trị; khẳng định đường lối ĐTCT đúng đắn của Đảng các cấp, góp phần nâng cao trình độ giác ngộ chính trị cho nhân dân; làm rối loạn hậu phương của chính quyền VNCH, tạo điều kiện cho ĐVTN phát triển. Trong quá trình tổ chức, lãnh đạo nhân dân tỉnh nhà ĐTCT, Đảng bộ Quảng Trị cũng bộc lộ một số hạn chế nhất định..., những hạn chế đó dần được khắc phục để đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) đi đến thắng lợi cuối cùng.

4.5. Một số hạn chế

Bên cạnh những thành tích và thắng lợi to lớn đã đạt được, trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo ĐTCT của Tỉnh ủy Quảng Trị vẫn còn có một số khuyết điểm, hạn chế...

KẾT LUẬN

1. Quảng Trị nằm ở địa đầu giới tuyến, có vị trí chiến lược hết sức quan trọng. Vì vậy, Mỹ và chính quyền VNCH tập trung xây dựng ở Quảng Trị một bộ máy thống trị mạnh về quân sự lẫn chính trị. Những chính sách về các mặt chính trị - quân sự, kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục mà Mỹ cùng với chính quyền VNCH thực hiện ở MNVN hầu hết đều được triển khai ở Quảng Trị. Về chính trị - quân sự, Mỹ và chính quyền VNCH chủ trương tăng cường xây dựng bộ máy thống trị và lực lượng quân đội mạnh, thực hiện chính sách khủng bố khốc liệt nhằm kim kẹp và đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng nhân dân Quảng Trị; về kinh tế - xã hội, Mỹ ra sức viện trợ cho miền Nam nói chung và Quảng Trị nói riêng nhằm tạo ra cuộc sống đô thị phồn hoa, mua chuộc “*trái tim và khối óc*” của nông dân ở miền núi và nông thôn đồng bằng; về văn hóa giáo dục, Mỹ tăng cường truyền bá văn hóa Mỹ vào Quảng Trị, kiểm duyệt báo chí chặt chẽ và thực hiện chính sách kỳ thị tôn giáo đối với Phật giáo, v.v...

2. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), dưới sự lãnh đạo của Đảng các cấp, nhân dân Quảng Trị đoàn kết đấu tranh chống mọi âm mưu, thủ đoạn của Mỹ và chính quyền VNCH trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị. ĐTCT ở Quảng Trị diễn ra sôi

nổi, quyết liệt, quy mô rộng lớn, sử dụng nhiều hình thức, biện pháp đấu tranh phong phú, linh hoạt, sáng tạo và thu hút được mọi giai cấp, tầng lớp xã hội trên địa bàn tham gia. Do đặc điểm riêng của Quảng Trị (là khu đệm), đồng thời quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, trong giai đoạn 1954 - 1965, ĐTCT ở Quảng Trị diễn ra sôi nổi, quyết liệt: đòi thi hành Hiệp định Genève; chống chính sách “*tố Cộng*”, phối hợp với LLVT tiến hành “*Đồng khởi*” miền núi; đòi dân sinh, dân chủ và chống phá “*áp chiến lược*”; đòi tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo; chống độc tài, quân phiệt; chống phá “*áp tân sinh*”; phối hợp với LLVT tiến hành “*Đồng khởi*” nông thôn đồng bằng 1964 - 1965; ĐTCT chống Mỹ và chính quyền VNCH, đòi dân chủ, dân sinh, đòi thành lập chính phủ dân sự (1965 - 1966). Trong khoảng thời gian từ giữa năm 1966 đến năm 1975, ĐTCT tiếp tục diễn ra sôi nổi song không theo kịp sự phát triển của ĐTVT, nhất là khi các cuộc tiến công lớn diễn ra: cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 và cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

3. ĐTCT của nhân dân Quảng Trị có tính chất dân tộc và dân sinh, dân chủ đậm nét. Trên lĩnh vực dân tộc, các phong trào thu hút hầu hết các giai tầng xã hội tại địa phương tham gia nhằm chống chính quyền VNCH, tiến đến trực tiếp chống Mỹ bằng những hành động cụ thể và quyết liệt nhằm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Trên lĩnh vực dân sinh, nhân dân Quảng Trị đấu tranh chống đóng góp tiền của quá mức, chống bắt đi dinh điền, “*áp chiến lược*”, chống cướp đoạt ruộng đất, yêu cầu chính quyền VNCH cho phép người dân được tự do đi lại buôn bán, làm ăn, thực hiện phụ cấp đầy đủ đối với đồng bào di cư, tiến hành cấp phát gạo cứu đói cho dân, những gia đình khó khăn được vay tiền để tổ chức sản xuất và sinh hoạt, binh lính không được bán phá bừa bãi, nếu gây ra thiệt hại thì phải bồi thường cho người dân, nhân dân được tự do trở về quê cũ; nhân dân Quảng Trị cũng yêu cầu chính quyền Nguyễn Văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ phải giải quyết nạn sinh hoạt đắt đỏ, cho ngư dân tự do ra khơi đánh cá; đấu tranh chống lính Mỹ và quân đội VNCH cướp bóc, hãm hiếp phụ nữ, bắn giết bừa bãi, rải chất độc hóa học, phá hoại hoa màu, cấp thêm tiền của để nhân dân ổn định cuộc sống,...

Trên lĩnh vực dân chủ, phong trào nhằm mục tiêu chống dư đảng Cần lao, chống độc tài quân phiệt, đòi thành lập chính phủ dân sự và thành lập Quốc hội do dân bầu cử trực tiếp, phản đối sắc luật 23/67 (18-7-1967) với nội dung phủ nhận Hiến chương của Giáo hội Phật giáo, đòi quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng, các quyền tự do khác của công dân, chống bắt lính, đôn quân, chống quân sự hóa thanh niên; chống bắt xâu, chống kìm kẹp, vơ vét; chống cưỡng ép

làm tê và cưỡng ép vào các tổ chức chính trị phản động; chống thanh lọc, chống đi ngũ tập trung, chống tổ chức hội họp nhiều lần, chống chế độ lao tù hà khắc, đòi tự do đi lại làm ăn bên ngoài, đòi trở về chỗ cũ (nếu bị gom), phá “*áp chiến lược*”, “*áp tân sinh*”, “*khu dinh điền*”; chống chia rẽ, lừa phỉnh đồng bào dân tộc thiểu số, phong tỏa hoặc phá hoại kinh tế vùng rừng núi; bảo vệ sinh mạng, tài sản của mình; xây dựng các tổ chức có lợi cho cách mạng, v.v...

Mục tiêu dân tộc và dân sinh, dân chủ đan xen với nhau trong các khẩu hiệu đấu tranh của nhân dân. Qua phong trào, ý thức giác ngộ chính trị của quần chúng nhân dân ngày càng được nâng cao, từ chống chính quyền VNCH, nhân dân Quảng Trị tiến đến chống Mỹ trực tiếp, đặc biệt là từ khi quân Mỹ đổ quân xuống địa phương này. Chính vì lẽ đó, nhiệm vụ dân tộc ngày càng trở nên nổi trội hơn so với nhiệm vụ dân sinh, dân chủ.

4. ĐTCT ở Quảng Trị thể hiện rõ mối quan hệ đoàn kết, gắn bó chặt chẽ giữa nhân dân hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế trong cuộc kháng chiến chống Mỹ xâm lược. Bên cạnh đó, phong trào còn có mối liên hệ mật thiết với cách mạng miền Nam cũng như cách mạng cả nước, được sự hậu thuẫn và phối hợp đấu tranh trực tiếp của nhân dân miền Bắc và vùng giải phóng rộng lớn nhất là sau HĐ Paris (27-1-1973). Mỗi sự kiện đấu tranh của nhân dân Quảng Trị đều được nhân dân cả nước quan tâm, theo dõi, động viên và chia sẻ. Phong trào cách mạng Quảng Trị phát triển làm giảm áp lực cho khu vực Vĩnh Linh, Thừa Thiên - Huế và vùng Quảng Nam - Đà Nẵng, giữ vững hành lang chiến lược của cách mạng Đông Dương. Qua đấu tranh, ý thức giác ngộ và bản lĩnh chính trị của nhân dân Quảng Trị ngày càng được nâng cao.

So với một số địa phương khác trên cả nước, ĐTCT ở Quảng Trị có một số đặc điểm riêng như kết hợp rất chặt chẽ với ĐTCT ở Thừa Thiên - Huế, có sự hậu thuẫn trực tiếp của miền Bắc xã hội chủ nghĩa và vùng giải phóng rộng lớn, nhất là từ sau Hiệp định Paris (27-1-1973); một số sự kiện đấu tranh diễn ra rất sớm so với các địa phương khác như đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước, hưởng ứng sớm nhất phong trào đấu tranh đòi tự do tín ngưỡng, bình đẳng tôn giáo khởi phát từ Huế,...

ĐTCT ở Quảng Trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) có ý nghĩa lịch sử sâu sắc: chứng minh lòng yêu nước, tinh thần đấu tranh anh dũng, kiên cường của nhân dân Quảng Trị; khẳng định đường lối ĐTCT đúng đắn của Đảng các cấp, góp phần nâng cao trình độ giác ngộ chính trị cho nhân dân; làm rối loạn hậu phương của chính quyền VNCH, tạo điều kiện cho ĐVTN phát triển; để lại nhiều bài học lịch sử quý báu, những bài học đó vẫn còn mang nhiều giá trị thực tiễn to lớn đối với nhân dân Quảng Trị cũng như nhân dân cả nước trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Bên cạnh những thành tích và thắng lợi to lớn đã đạt được, trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo ĐTCT của Tỉnh ủy Quảng Trị vẫn còn có một số khuyết điểm, hạn chế: Ngay sau khi HĐ Genève được ký kết (21-7-1954), cán bộ lãnh đạo phong trào không thấy hết âm mưu lâu dài và toàn diện của Mỹ và Ngô Đình Diệm, không nắm vững chủ trương đấu tranh mới của Đảng nên việc lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống địch vi phạm HĐ có một số sai lầm nghiêm trọng, dẫn đến phong trào quần chúng bị giảm sút. Bên cạnh đó, vấn đề ruộng đất của nông dân chưa được đặt ra đúng mức, lợi ích thiết thân hàng ngày của quần chúng nhân dân chưa được chú trọng. Đến năm 1959, cơ sở tổ chức vẫn còn rất non yếu, chưa đủ khả năng làm nòng cốt cho phong trào ĐTCT, lực lượng cán bộ, đảng viên ít, chưa đủ sức lãnh đạo phong trào. Sang tháng 2-1961, ở đồng bằng, việc tuyên truyền tuyên ngôn của Mặt trận DTGP MNVN chưa sâu rộng, việc tấn công chính trị vào chính quyền VNCH tại thôn xã còn rất yếu, công tác binh vận chưa được chú trọng.

Trong 3 tháng 4, 5, 6 năm 1966, ĐTCT còn nhiều mặt yếu, chưa tập hợp được lực lượng quần chúng đông đảo, nhất là quần chúng cơ bản, lực lượng cách mạng chưa phát triển mạnh. Đánh giá về ĐTCT trong nửa cuối năm 1966, Tỉnh ủy Quảng Trị cho rằng trong thời gian này, khả năng ĐTCT của quần chúng nhân dân có nhiều, bối cảnh lịch sử thuận lợi, nhưng công tác lãnh đạo của Tỉnh ủy còn nhiều nhược điểm nên phong trào đấu tranh chưa cao, chưa quyết liệt, chưa đi song song với ĐTVT. Sang năm 1967, cán bộ cách mạng vẫn chưa phát huy cao độ khả năng ĐTCT để bảo vệ hàng ngày quyền lợi của quần chúng, bảo vệ những thành quả cách mạng mà quần chúng đã giành được..., chưa đặt vấn đề mọi hoạt động quân sự, an ninh, tuyên truyền hướng vào phục vụ chính trị, phục vụ quần chúng, xây dựng cơ sở cách mạng ở các thôn xóm chưa đều và chưa mạnh.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968, tại thị xã Quảng Trị, việc nổi dậy của quần chúng nhân dân tại chỗ để phối hợp với đòn quân sự hầu như không diễn ra. Trong cuộc Tiến công chiến lược năm 1972 và cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, khi LLVT tấn công mạnh vào Quảng Trị, vấn đề vận động quần chúng đấu tranh và tổ chức LLCT còn bị xem nhẹ nên dẫn đến LLCT chưa phối hợp hiệu quả với LLVT.

45 năm đã trôi qua kể từ ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (1975 - 2020), đất nước trọn niềm vui thống nhất. Luận án ở chùng mực nhất định đã góp thêm tư liệu về một giai đoạn đấu tranh oanh liệt, hào hùng của nhân dân Quảng Trị anh dũng, kiên cường, bất khuất. Chúng tôi hi vọng nội dung của luận án sẽ có đóng góp thiết thực vào việc giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ trên địa bàn Quảng Trị hôm nay và mai sau.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Trần Thanh Thủy (2015), “Phong trào đô thị miền Nam chống chính quyền Trần Văn Hương cuối năm 1964 - đầu năm 1965”, in trong sách: *Về Phong trào đô thị miền Nam Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trần Thanh Thủy (2017), “Chính sách về chính trị, quân sự của Mỹ và chính quyền Sài Gòn tại Quảng Trị (1954 - 1975)”, Kỷ yếu *Hội nghị khoa học trẻ*, NXB Thông tin và Truyền thông.

3. Trần Thanh Thủy (2018), “Áp chiến lược ở Quảng Trị (1961 - 1965)”, Tạp chí *Lịch sử Quân sự*, (316), tr. 61-64.

4. Trần Thanh Thủy (2018) (viết chung), “Sinh viên, học sinh các đô thị miền Nam trong phong trào Phật giáo năm 1966”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, (507), tr. 47-59.

5. Trần Thanh Thủy (2018), “Phong trào đấu tranh chính trị ở Trị - Thiên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giai đoạn 1963 - 1965”, Tạp chí *Khoa học Đại học Huế: Xã hội và Nhân văn*, (6C), tr. 77-92.

**HUE UNIVERSITY
UNIVERSITY OF EDUCATION**

TRAN THANH THUY

**POLITICAL STRUGGLE IN QUANG TRI
DURING THE RESISTANCE WAR AGAINST
THE UNITED STATES FOR NATIONAL
SALVATION (1954 - 1975)**

**Major: Vietnam's History
ID: 9 22 90 13**

SUMMARY OF DOCTORAL THESIS IN HISTORY

HUE - 2020

The study is done at Faculty of History, University of Education, Hue University.

Supervisor: Assoc. Prof. Dr. Le Cung

Reviewer 1:

.....

Reviewer 2:

.....

Reviewer 3:

.....

The thesis will be defended at the Hue University's Scientific Evaluation Council in

At hour(s).....day.....month.....year.....

The thesis can be found at the following library:

INTRODUCTION

1. Rationale

In the Resistance War against the United States (US) for National Salvation (1954 - 1975), political struggle along with military and diplomatic struggles played a very important role to reach the decisive victory. This was a big issue of the southern revolution in the period of 1954 - 1975, which grabbed the attention and interest of national and international researchers. Several remarkable achievements from the studies have been officially acknowledged.

Quang Tri in the Resistance War against the US was located at the northern frontier of the Republic of Vietnam (RVN), close to the socialist North. It was an exceptionally important battlefield, one of the most intense skirmishes between revolutionary and counter-revolutionary forces, one of the fiercest battlefields. This place also witnessed the pain of separation of the country for more than 20 years. For the US and the RVN, South Vietnam was the outpost to stop the spread of communism to Southeast Asia. Therefore, the US and the RVN established a strong political-military system in Quang Tri to stop the North's support to the South and they were ready to "*Backfill the Ben Hai River*", when necessary, to invade the North.

Surmounting dangers and hardships, under the leadership of the Party at all levels, the army and people of Quang Tri fought bravely and tenaciously, at the same time, the political struggle vigorously and drastically took place, and deservedly contributed to the liberation of the South and unification of the nation. Therefore, the in-depth study and full understanding of the political struggle in Quang Tri (PSQT) will clarify the factors that bring the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975) to victory. The study of political struggles in Quang Tri during the Resistance War against the US (1954 - 1975) has a profound scientific and practical significance.

In terms of scientific values, the study of PSQT during the Resistance War against the US (1954 - 1975) helps us understand the domination policy of the US and RVN in Quang Tri; political struggle guidelines and policies of the Party at all levels; objectives, forms and measures of political struggle, scale, force, contents, results, impacts of the political struggles in Quang Tri which contributed to clarify the motto "*Two maxims, three spearheads*", "*three spearhead-attack*", "*three strategic areas*"; summary and evaluation of contributions of Quang Tri's army and people to the revolutionary movement throughout the South; this is also the first systematic study on the PSQT during the Resistance War against the America.

In terms of practical values, the thesis provides additional materials and contributes to the study of the history of the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975) in general, and of the Resistance War against the US in Quang Tri in particular. At the same time, history teachers at all levels in Quang Tri can apply the thesis content into the history lessons in the locality to foster patriotism and pride in the motherland in the younger generations of Quang Tri province at present and in the future.

For those reasons, the research interest of “*Political struggle in Quang Tri during the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975)*” was chosen as the topic for the Doctoral thesis in Vietnamese History.

2. Subject and scope of the research

2.1. Research subject

The research subject of the thesis is the political struggle of Quang Tri people during the Resistance War against the US (1954 - 1975), in which, attention is confined on studying the impact factors, causes, developments, goals, forces, forms, measures and results of typical movements as well as the nature, characteristics, role and historical significance of the PSQT from 1954 to 1975.

2.2. Research scope

In terms of location, the thesis focuses on researching PSQT (except Vinh Linh district) in close relationship with the Southern revolution.

In terms of time, the thesis focuses on the limited period of time from 1954 to 1975, namely from the Geneva Accords (July 21, 1954) to the liberation of the entire Quang Tri (March 19, 1975). However, in the event that some contents need clarifications, the study may extend its time to the previous stages.

3. Aims and objectives of the research

3.1. Aims of the research

The thesis reproduces the political struggle in three strategic areas: urban, rural deltas and mountainous areas in Quang Tri during the Resistance War against the US. Thereby, confirming the role and position of the PSQT during the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975).

3.2. Objectives of the research

- To analyze factors affecting the political struggle (geographic and strategic location, an overview of population characteristics, natural conditions, socio-economic situation in the period of 1954 - 1975, patriotic and revolutionary traditions of the people of Quang Tri before July 21, 1954, the policies of the US and the RVN, the leadership and direction of the Party at all levels to the PSQT during the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975)).

- To objectively and honestly reproduce the process of PSQT during the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975).

- To analyze and interpret the nature, characteristics, role and historical significance of the PSQT during the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975).

4. Research Methodology and Source materials

4.1. Research methodology

The thesis applies historical and logical methods to restore the panorama of the PSQT during the Resistance War against the US (1954 - 1975). In addition, the thesis also uses a number of other interdisciplinary research methods such as analysis, synthesis, comparison, etc. to draw scientific and accurate conclusions.

4.2. Source materials

To make this thesis possible, we approach and use a variety of source materials. In particular, we focus on referencing documents kept at the Vietnam National Archives, Center No. II, Ho Chi Minh city, Records and Archives Management Department of the People's Committee of Thua Thien Hue province, Office of Thua Thien Hue Provincial Party Committee, Ho Chi Minh Museum of Thua Thien Hue province, General Library of Thua Thien Hue province, Office for Party History Research and Office of Quang Tri Provincial Party Committee, Quang Tri Museum, Quang Tri Library, etc. These sources include records, reports, directives, resolutions, plans, government announcements, statements, manifests, recommendations, etc. This thesis can be completed thanks to these main source materials. In addition, we also conduct interviews with historical witnesses and field surveys in areas and sites where political struggle activities took place.

5. Contributions of the thesis

Firstly, the thesis is a systematic and relatively comprehensive scientific research on the political struggle of Quang Tri people in the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975). The thesis clarifies the factors affecting the PSQT, in which, concentrating on analyzing policies and schemes of the America and RVN to repel the revolutionary movement in Quang Tri from 1954 to 1975; at the same time, the thesis also focuses on researching the counter-tactics of the Central Committee of the Workers' Party of Vietnam, Party Committee of Inter-Region No. IV, Party Committee of Inter-Region No. V, Party Committee of Tri-Thien Inter-province, Party Committee Tri - Thien - Hue region and the Party Committee of Quang Tri province against the policies and schemes of the America and RVN. The thesis compiles and analyzes relevant documents, thereby restores and fully and systematically reflects the objectives, forms, measures and developments, nature and historical significance regarding the contribution of the political struggles in Quang Tri to the southern revolutionary movement in the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975).

Secondly, the thesis is a reference source for the teaching and learning of history in the locality, which contributes to the education of patriotic and revolutionary

traditions for the people of Quang Tri province, especially for young generations at present and in the future.

6. Structure of the thesis

The thesis has 160 pages, excluding the appendix. In addition to the introduction (5 pages), conclusions (4 pages), references (18 pages), table of contents (3 pages), the content of the thesis is divided into four chapters:

Chapter 1. Literature review (17 pages)

Chapter 2. Political struggle in Quang Tri from 1954 to 1965 (44 pages)

Chapter 3. Political struggle in Quang Tri from 1965 to 1975 (41 pages)

Chapter 4. Comments about the political struggle in Quang Tri (1954 - 1975) (28 pages).

Chapter 1

LITERATURE REVIEW

1.1. Overview of studies related to thesis topic

There are many published studies relating to the thesis topic and their authors can be divided into two main groups as follows:

1.1.1. Group of studies on political struggle in South Vietnam during the Resistance War against the US for National Salvation

- Studies on the political struggle in the whole South Vietnam: Doan Them and his works: The past 20 years - Everyday work (1945 - 1964); 1965 - Everyday work; 1966 - Everyday work; 1967 - Everyday work; 1968 - Everyday work; 1969 - Everyday work; Tran Van Giau (1964 - 1978), *The South holds the fatherland's iron bulwark*, 5 volumes (volume 1 - 1964, volume 2 - 1966, volume 3 - 1968, volume 4 - 1970, volume 5 - 1978), Social Sciences PH, Ha Noi (Reprinted in 2006 in Tran Van Giau's Collection); Cao Van Luong (1977), *South Vietnamese workers in the Resistance War against the US for National Salvation 1954 - 1975*, Social Sciences PH, Ha Noi; Quynh Cu (1980), "Study on the "political army" of the masses in the Southern revolution (1954 - 1975)", *Journal of Historical Studies*, Vol. 3; Nguyen Lang (1994), *Discourse on History of Vietnam Buddhism, volume III*, Literature PH, Hanoi; National Steering Committee on War Summary under the Politburo (1996), *Summary of the Resistance War against the US for National Salvation, Victories and Lessons*, National Political PH, Hanoi; Trinh Nhu (Editor) (1998), *History of the farmer movement and the Vietnam Farmers' Association from 1930 to 1995*, National Political Publishing House, Hanoi; Tran Thi Thu Huong (2003), *Leadership of the Party in the struggle against the "Grand National Policy" known as Strategic Hamlet Program of the US and the RVN in South Vietnam (1961 - 1965)*,

National Political PH, Hanoi; Institute of History (2017), *History of Vietnamese (first edition)*, Social Sciences PH, Hanoi.

Besides the domestic studies, there are quite a few studies conducted by foreign researchers referring to the roles of the political struggle in the South: Jerrold Schechter (1967), *The New Face of Buddha*, John Weatherhill, Tokyo; Avro Manhattan (1984), “*Vietnam why did We go?*”, Chick publications, USA; Neil Sheehan (many translators, introduced and edited by Le Minh Duc) (1990), *A Bright Shining Lie*, Ho Chi Minh City PH; Robert S. McNamara (1995), *In Retrospect: The Tragedy and Lessons of Vietnam*, National Political PH, Hanoi; Thomas L. Ahern (2000), *CIA and the House of Ngo: Covert Action in South Vietnam, 1954 - 1963*, U.S.A; Gabriel Kolko (translated by Nguyen Tan Cuu) (2003), *Anatomy of a war*, People's Army PH, Hanoi; Edward Miller (2016), *Misalliance: Ngo Dinh Diem, the US, and the Fate of South Vietnam*, Su That (Truth) National Political PH, Hanoi; etc.

- Studies on political struggle in each locality of the South: Ho Huu Nhut (1986), *The anti-American movement of teachers, students, college students in Saigon - Cho Lon - Gia Dinh*, Doctoral thesis in History, Institute of Educational Science, Hanoi; Nguyen Dinh Thong (1994), *The political struggle of revolutionary soldiers in Con Dao prison (1955 - 1975)*, Doctoral thesis in History, Institute of Marxism and Leninism under the Central Committee, Hanoi; Bui Thi Thu Ha (2002), *An Giang Hoahaoist compatriots in the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975)*; Phi Van Thuc (2006), *Leadership of the Party in the political struggle in some big cities in the South from 1961 to 1968*, Doctoral thesis in Party History, Ho Chi Minh National Academy of Politics, Hanoi; Huynh Thi Liem (2006), *The struggles of sabotage and destruction against Strategic Hamlet Program in the Southeast region of the South Vietnam (1961 - 1965)*, Doctoral thesis in History, Ho Chi Minh City National University; Bui Van Toan (2012), *The process of organizing and training militant forces of revolutionary soldiers at Con Dao Prison from 1957 to 1975*, Doctoral thesis in Scientific History, University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Ho Chi Minh City; Le Quy Thi (2013), *Political Struggle in Saigon - Gia Dinh (1969 - 1975)*, Doctoral thesis in History, Military History Institute of Vietnam, Ministry of Defense, Hanoi; Tran Thi Lan (2014), *The political struggle in the Central Highlands during the Resistance War against the US from 1961 to 1968*, Doctoral thesis in History, University of Education, Hue University; Many authors (2015), *History of Hue urban movement 1954 - 1975*, Tre PH, Ho Chi Minh City; Nguyen Trung Trieu (2018), *Political struggle in Khanh Hoa during the Resistance War against the US (1954 - 1975)*, Doctoral thesis in History, University of Education, Hue University; Tu Anh Nguyet (2019), *The Political struggle*

in *Quang Nam - Da Nang during the Resistance War against the US from 1954 to 1965*, Doctoral thesis in History, University of Education, Hue University.

1.1.2. Group of studies on PSQT during the Resistance War against the US for National Salvation

- Studies on factors affecting the PSQT: Executive Board of the Party Committee of Quang Tri province (1996), *History of Quang Tri Party Committee, Volume I (1930 - 1954)*, National Political PH, Hanoi; Tran Van Luc (2016), *Party Committee of Tri - Thien - Hue region in the Resistance War against the US for National Salvation from 1966 to 1975*, Doctoral thesis in Party History, Ho Chi Minh National Academy of Politics, Hanoi.

- Studies on political struggle forces in Quang Tri: Tue Giac (1964), *Vietnam - History of Buddhism struggles*, Hoa Nghiem PH, Sai Gon; Le Cung (1997), *Buddhism Movement in South Vietnam in 1963*, Doctoral thesis in Scientific History, University of Education, Vietnam National University, Hanoi; Le Cung (2014), *Buddhism Movement in South Vietnam (1964 - 1968)*, Thuan Hoa PH, Hue; Labor Federation of Quang Tri province (1998), *History of worker and union movements in Quang Tri province (1929 - 1995)*, Labour PH, Hanoi; Vietnam Farmers' Union of Quang Tri province (2000), *The revolutionary struggle tradition of the peasantry and Farmers' Union of Quang Tri province 1930 - 2000*, Quang Tri; Executive Board of the Women's Union of Quang Tri (2007), *History of feminist movement in Quang Tri province*, Thuan Hoa PH, Hue; Party Committee of Quang Tri province - Department of Propaganda and Training (2009), *History of patriotic and revolutionary struggle in Quang Tri prison*, National Political PH, Hanoi.

- Studies referring to PSQT: Executive Board of the Party Committee of Quang Tri province (1974), *Events in Party History (1954 - 1973)*, Quang Tri; Institute of Marxism - Leninism - Institute of Party History (1985), *Events in Party History (volume III)*, Theoretical Information PH, Hanoi; Committee of War Summary on Tri - Thien - Hue battlefield (1985) *Tri - Thien - Hue battlefield in the victorious Resistance War against the US for National Salvation*, Thuan Hoa PH, Hue; Propaganda and Training Section of the Party Committee of Quang Tri province (1990), *Quang Tri, 60 years of historical journeys*, Quang Tri Department of Culture and Information; Executive Board of the Party Committee of Quang Tri province (1999), *History of Quang Tri Party Committee (1954 - 1975), volume II*, National Political PH, Hanoi; Party Committee of Quang Tri province - Commission for Mass Mobilization (2007), *History of Mass Mobilization of the Party Committee of Quang Tri province (1930 - 2005)*, National Political PH, Hanoi; Nguyen Tien Luc (2008), *The political struggles in the Resistance War against the US in Quang Tri, during 1954 - 1963*, Master's thesis in Scientific History, University of Sciences, Hue University; Le Hong Son

(2012), *The political struggles in Quang Tri in the Resistance War against the US, during 1965 – 1968*, Master's thesis in Scientific History, University of Sciences, Hue University; Hoang Chi Hieu (2012), *Demilitarized zone - 17th parallel north in the Resistance War against the US for National Salvation during 1954 - 1967*, Doctoral thesis in History, University of Education, Hue University; Le Cung (Editor) (2015), *Regarding the Southern urban movement in the Resistance War against the US (1954 - 1975)*, Ho Chi Minh City General PH; In addition, there are a number of books about Party history belonging to localities in the province, etc.

The above studies have provided us with many valuable documents, reliable judgments about the PSQT, which practically gave us ideas when we carried out the thesis.

1.2. Research interests

In general, many research papers, doctoral theses, master's theses, research topics directly or indirectly related to the political struggle in the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975) have been published. However, the PSQT from the end of July 1954 to March 19, 1975 has not been fully, comprehensively and systematically studied. Due to the influence of the research and scope of the study, the research papers and articles have mainly referred to political struggle in big cities in the South such as Saigon, Hue, Da Nang, and Nha Trang; Besides, there have been some doctoral theses that conduct in-depth research on political struggle in some other localities in the South. The PSQT in the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975), has only been referred to in a small number of Master's theses, and these theses have only studied about each specific period of the political struggle. Moreover, due to insufficiency in source materials accessibility, conclusions drawn from such theses are not convincing. Especially, there is limited comparison among the PSQT with those of other localities to draw specific characteristics.

From this viewpoint, the thesis is to clarify the following issues:

Firstly, on the basis of updating and researching source materials from various sides (especially the archives), this thesis focuses on systematic interpretation of conspiracy and domination measures that the US and the RVN conducted in Quang Tri from the end of 1954 to the beginning of 1975. In-depth research will be done on policies such as "*anti-communist denunciation campaign*", "*strategic hamlet program*" - "*new life hamlet program*" and many other measures of the US and the RVN on military, politics - ideology, economy - society and culture - education, etc. Based on these, we will clarify

the malicious schemes of the US and the RVN in all three strategic areas: mountainous, rural deltas and urban areas in Quang Tri.

Secondly, clarify the guidelines and direction of the Central Committee of Workers' Party of Vietnam, Party Committee of Inter-Region No. IV, Party Committee of Inter-Region No. V, Party Committee of Tri-Thien inter-province, Party Committee of Tri - Thien - Hue region and Party Committee of Quang Tri province in the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975), from which, we can perceive the judiciousness and creativity in the direction of the Party at all levels, and at the same time, become aware of the limitations and shortcomings in the leadership and organization of political struggle.

Thirdly, reproduce detailedly and completely the political struggle of Quang Tri people from the end of 1954 to the beginning of 1975, such as the political struggle against the nepotism and theocracy dictatorship of Ngo Dinh Diem (late 1954 - late 1963); political struggle against the America, the military government of Nguyen Khanh, and the civilian government of Tran Van Huong (late 1963 - middle 1965); political struggle against the America and Nguyen Van Thieu - Nguyen Cao Ky's regime (middle 1965 - early 1975).

We had a thorough look into specific aspects in terms of the goals, leadership, participating forces, struggle development, historical significance and especially the limitations of such struggles. Outstanding features of the PSQT are drawn out by making comparison with the political struggle in other localities in the South during the same period, and by observing the creativity of the Party at all levels and Quang Tri people in the political struggle. The fundamental role of the political struggle for a province of demarcation line in particular and the southern revolution in general in the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975) is demonstrated and affirmed.

Chapter 2

POLITICAL STRUGGLE IN QUANG TRI FROM 1954 TO 1965

2.1. Factors affecting political struggle in Quang Tri

2.1.1. Natural and socio-economic situation of Quang Tri (1954 - 1975)

2.1.1.1. Natural conditions

Quang Tri in the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975) was located at the frontier of the RVN, with a particularly important geostrategic position; natural area: 4,741 km², population: 299,713 people (in 1967); the East borders East Sea; the West borders Laos; the North borders special district of Vinh Linh of the Democratic

Republic of Vietnam; the South borders Thua Thien Hue province. The topography of Quang Tri is lower from the West down to the East and the Southeast. In terms of the climate, Quang Tri is located in the tropical monsoon region.

2.1.1.2. Socio-economic situation

During the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975), under the management of the RVN, Quang Tri's economy was in a very difficult situation, as it was still an outdated agricultural economy and mainly depended on American aid. In Quang Tri province, there were three main ethnic groups: Kinh, Bru, and Pacoh. Quang Tri people had traditions of dutifulness and fondness for learning; creativity in productive labor; solidarity, mutual affection, helping each other in life and in production, especially when unexpected events, such as wars, natural disasters or epidemics took place. Quang Tri was also a land of historical, cultural, patriotic and revolutionary traditions.

2.1.2. Patriotic and revolutionary traditions of the Quang Tri people before the Geneva Accords (July 21, 1954)

In 1858, the French colonialists began their invasion to Vietnam, Quang Tri people together with the people throughout the nation stood up against the French. In 1930, the Party Committee of the Communist Party of Vietnam in Quang Tri province was established. Under the leadership of the Communist Party of Vietnam (from October 1930, renamed to Indochinese Communist Party) and the Provincial Party Committee, Quang Tri people together with the people throughout the nation conducted three revolutionary climaxes: the revolutionary movement from 1930 to 1931, the democratic movement from 1936 to 1939, and the national liberation movement from 1939 to 1945. The August Revolution of 1945 was successful, opening a new era in the nation's history.

Response to "*The call for national resistance*" of President Ho Chi Minh (December 19, 1946), the Party Committee and people of Quang Tri together with the people throughout the nation stood up against the French to defend national independence. During the nine years of resistance, the army and people of Quang Tri won many achievements, creating conditions for our army's victory in Dien Bien Phu (May 7, 1954), forcing the French colonialists to sign the Geneva Accords (July 21, 1954), ending the war in Indochina.

2.1.3. Policies of the US and the RVN in Quang Tri from 1954 to 1965

2.1.3.1. Political and military situation

At the end of 1954, Ngo Dinh Diem and Ngo Dinh Nhu formed the "*Personalist Labor Revolutionary*" Party and chose "*Personalism*" as the Party's ideology. In order to legalize the RVN regime, on October 23, 1955, the US supported Ngo Dinh Diem to conduct a referendum to depose Bao Dai and make

Ngo Dinh Diem the President. Ngo Dinh Diem held a separate National Assembly election on March 4, 1956 and promulgated the Constitution on October 26, 1956, establishing "*The First Republic*". Under the rule of Ngo Dinh Diem, governors of Quang Tri province were all Christians.

In 1958, the RVN divided Quang Tri into 7 districts and 86 communes. In order to eliminate the Communists in the South, the RVN conducted the "*anti-communist denunciation campaign*". At the end of November 1961, the RVN began implementing the "*Strategic Hamlet Program*" in 4 pilot villages. In early March 1962, the governor of Quang Tri province convened a meeting to discuss the preparation of "*Strategic Hamlet Program*" in the whole province. After the coup d'etat on November 01, 1963, a series of key human resources of the RVN in Quang Tri were replaced.

On August 16, 1964, Nguyen Khanh introduced the "*Vung Tau Charter*", which was actually a plan to establish a military dictatorship. On October 31, 1964, Phan Khac Suu appointed Tran Van Huong to be the Prime Minister and a civilian government was established. In the morning of January 27, 1965, Nguyen Khanh launched a coup d'etat and dissolved the civilian government of Tran Van Huong. On February 16, 1965, Nguyen Khanh appointed a new cabinet led by Phan Huy Quat as Prime Minister. Three days later (February 19, 1965), Nguyen Khanh was overthrown and exiled abroad.

In terms of military, in 1955, the RVN arranged a regiment of the 1st Division, 10 security companies, 50 civil guard platoons, 3 police companies in Quang Tri. Before the "*Dong Khoi*" movement in the rural deltas (July 5, 1964), in Quang Tri, the Army of the Republic of Vietnam (ARVN) had 2 infantry regiments, 2 artillery battalions, 1 mechanized battalion, 12 security companies, 92 civil guard platoons and 5,600 youth militias.

2.1.3.2. Socio-economic situation

Carried out policies of the White House, in January 1955, the RVN implemented the "*Land Reform*" program. In April 1957, the US and the RVN conducted the Land Development Program. In Quang Tri, in addition to forcing people to work in Land Development Centers located in Central Highlands and the South, the RVN also established a number of centers in the locality. Besides, the RVN also set out the "*Rural Community Development Program*" in the rural areas. In terms of infrastructure, the RVN mobilized people to repair and build new roads. In terms of taxes, the RVN paid special attention to the policy of increasing taxes. After the collapse of Ngo Dinh Diem's regime (November 1, 1963), in Quang Tri, until February 25, 1964, the RVN had established only 403 "*Strategic Hamlets*".

2.1.3.3. Cultural and educational situation

Regarding culture, the US and the RVN tried to propagate anti-Communism and implement the policy of religious discrimination, firstly Buddhism. Regarding education, the school system at all levels in the province was gradually improved by the RVN.

2.1.4. Political struggle policy of the Workers' Party of Vietnam

On September 6, 1954, the Politburo issued a Resolution on the tasks of the Party in the South during the new period. In January 1959, the Central Resolution No. 15 was issued, advocating a revolution to seize the power to the people. Immediately after the “*Concerted Uprising*” (“*Dong Khoi*” movement) (1959 - 1960) in the South on November 11, 1960, the Politburo called the Party Committee of Inter-Region No. V and directed them to combine political struggle with armed struggle. When the US implemented the “*Special War*” at the end of 1962, the Politburo emphasized and clarified the importance of the political struggle.

In the context of the strong development of the Southern Buddhist movement for religious freedom and anti-religious discrimination in mid-1963, on August 22, 1963, the National Liberation Front of South Vietnam (NLFSV) issued a statement showing their vehement opposition against the RVN regime. After the coup d'état against Ngo Dinh Diem's regime (November 1, 1963), in December 1963, the Central Committee of the Workers' Party of Vietnam met at the 9th Conference to determine to flexibly combine the political struggle with armed struggle depending on each region and period.

Thoroughly grasping the guidelines of the Central Committee of the Party, the Party Committee of Inter-Region No. IV, the Party Committee of Inter-Region No. V and the Party Committee of Tri-Thien Inter-province, the Party Committee of Quang Tri province promptly set out specific guidelines, which were suitable for the local situation.

2.2. Contents of the PSQT from 1954 to 1965

2.2.1. Demanding implementation of the Geneva Accords and protesting against the '*anti-communist denunciation campaign*'

Immediately after the Geneva Accords (July 21, 1954¹), the movement of fighting for the general election erupted all over the province. On October 23, 1955, the US supported Ngo Dinh Diem to conduct a “*referendum*” to depose Bao Dai and make Ngo Dinh Diem the President. People in many localities in the Quang Tri province boycotted and protested the general election in various forms. By the end of 1957, officials and members of the Party were still actively clinging to the land, the people, and steadfastly building revolutionary forces. In early 1958,

¹. Previously, July 20, 1954 was chosen to sign the Accords.

the revolutionary movement gradually recovered. In the whole province, there were some struggles of the masses against the compulsory contribution of money, conscription, and the acts of land-grabbing, forcing people to work as coolie or at Cua Land Development (Cam Lo). There were also demands for the resolution of famine and freedom of traveling to work.

2.2.2. Coordinating with the armed forces to conduct a “*Concerted Uprising*” in the mountainous areas

Under the enlightenment of Resolution No. 15 (dated January 1959), the people of Quang Tri and the South stood up against the US and the RVN. Frightened by the rapid development of the revolutionary movement, on May 6, 1959, the RVN promulgated the Law No. 10/59 to ruthlessly murder these patriots. Those policies could not suppress the struggles of Quang Tri people. By the end of 1959, many struggles of the masses still went on.

In Huong Hoa, from late 1959 to early 1960, the RVN regime was almost disintegrated, Regional Forces only kept guard on certain locations. In 1960, the “*Concerted Uprising*” in the mountainous areas of Huong Hoa grew vigorously. Thanks to this movement, several villages and communes were initially liberated, including 3 communes of Nam Huong Hoa, 5 villages of Ba Long and some villages of Hai Phuc commune (Hai Lang).

2.2.3. Demanding welfare of the people, democracy and sabotages of “*Strategic Hamlets*”

In January 1961, throughout the province, struggles fought against the RVN's acts of forcing people to attend meetings and learning sessions about “*Presidential*” election. In 1961, revolutionary forces dispersed leaflets in the deltas and sub-mountainous areas in the province, with contents of sabotaging presidential and vice presidential elections, calling for the people of the South to support the NLFSV and rebel against the RVN regime.

In the South of the Demilitarized Zone, the political struggle took place in various forms such as struggle against repression, terrorism; against the plan of bamboo planting along the southern bank of Ben Hai River; against fencing villages to build “*Strategic Hamlets*”; against illegal intrusion activities; sent demands on expanding the exchange of correspondence and postcards; requested the RVN to conduct hunger relief; etc.

In November 1962, the revolutionary forces organized a number of sabotages against the “*Strategic Hamlets*” in Giap Hau village (Hai Truong), Tan My (Hai Le), Tram (Hai Son), etc. In the first 6 months of 1963, the Quang Tri people concentrated on the political struggle “*against fencing villages, herding the people into ‘Strategic Hamlets’, terrorism, ‘anti-communist denunciation campaign’,*

forest ban, forced labor at Land Development Centers, conscription, etc. and oppression against Buddhist compatriots".

2.2.4. Demanding freedom of belief and religious equality

Prominent among the PSQT was the Buddhist movement against the RVN regime demanding freedom of belief and religious equality. The movement began in the beginning of May 1963. On the evening of May 8, 1963, the RVN conducted a bloody persecution against Buddhist compatriots at Hue Radio Station, killed eight Buddhists and injured many. On May 10, 1963, Buddhist monks and nuns organized a rally at Tu Dam Pagoda (Hue), issued a 5-desire manifesto, and demanded the RVN to implement the policy of freedom of belief and religious equality. On June 1, 1963, nearly 10,000 Buddhist monks and nuns, followers of Quang Tri town and surrounding areas held a large-scale protest march to the Governor's palace to forward the petition: *"Demand the Government to address the five desires of Buddhists."*

At night of the 20th, and dawn of the 21st of August 1963, the RVN conducted the *"Operation Flood"*, imposed curfews, and attacked Buddhist temples across the South. In Quang Tri town, at 4am on August 21, 1963, the Information Department announced the curfew hours. At 5 am, the RVN police broke into Tinh Hoi pagoda, arrested 42 Buddhist monks and nuns, and brought them to the Police Department. Under pressure from the masses, the RVN had to release most of the Buddhist monks and nuns.

After the *"Operation Flood"*, Quang Tri Buddhist monks, nuns, and followers prepared a file to denounce the violations of the Joint Statement of the RVN. In the end of 1963, the US was forced *"to change horses in midstream"*. They supported a group of ARVN generals led by Duong Van Minh in a coup d'état against Ngo Dinh Diem on November 1, 1963.

2.2.5. Revolting against dictatorship and military government

Immediately after the overthrow of Ngo Dinh Diem (November 1, 1963), the NLFV issued a *"Declaration on the situation of South Vietnam after the coup d'état on November 1, 1963"*. On November 3, 1963, the people of Quang Tri town forced the Governor of the province, Nguyen Quoc Quynh, to hammer the face of Ngo Dinh Diem statue with his own hands. On November 26, 1963, after hearing the news that Nguyen Tri Son took the position as Governor, 3,000 teachers and students of Nguyen Hoang and Bo De schools held a demonstration to protest against Nguyen Tri Son. In the next morning (November 27, 1963), teachers and students from public, private schools and townspeople continued to protest, and marched through many streets such as: Quang Trung, Tran Hung Dao, Gia Long, etc.

On August 25, 1964, students and teachers of public and private schools in Quang Tri town together with all kinds of compatriots, including those living in areas close to the town such as Xuan Yen, Nhan Bieu, Trung Kien and Sai Market, organized protests, with about 10,000 participants, against the dictatorial regime of Nguyen Khanh. Facing the increasing struggle of people in urban areas, including Quang Tri, on August 25, 1964, Nguyen Khanh was forced to issue a Declaration on the withdrawal of "*Vung Tau Charter*" (August 16, 1964).

The thriving of the southern urban movement in general and movements in Quang Tri town and Dong Ha town in particular contributed to motivate people in the delta rural areas to respond to the struggle. Along with the political struggle of people in the southern cities, Quang Tri urban movement did its part to weaken the root of the RVN. In the morning of January 27, 1965, Nguyen Khanh launched a coup d'état against the civilian government of Tran Van Huong. This was the eighth coup d'état in just over a year since the overthrow of Ngo Dinh Diem on November 1, 1963.

2.2.6. Sabotaging "*New Life Hamlet Program*", coordinating with armed forces to implement the "*concerted Uprising*" in rural deltas

In Hai Lang, from January 25 to February 25, 1964, thanks to the support of the armed forces, the people revolted and destroyed the "*New Life Hamlets*" of La Vang, Thuong Xa, etc. In the districts of Gio Linh, Hai Lang, Ba Long and Cam Lo, within 22 days (from January 31 to February 21, 1964), people who were enlightened in politics revolted in collaboration with local guerrilla forces and destroyed 46 "*New Life Hamlets*". After the Ba Long victory (February 9, 1964), the Committee of NLFVS organized a large meeting in Tram to celebrate their success.

Due to the thriving of the "*New Life Hamlet Program*" sabotage movement in Quang Tri, on February 25, 1964, the RVN only established 403 "*New Life Hamlets*" throughout the province. Along with "*New Life Hamlet Program*" sabotage activities, operations of carrying out agitation and propaganda among enemy troops also achieved good results. On the night of June 25, 1964, revolutionary officials persuaded soldiers of the 18th General Platoon in Ba Thanh (Ba Long) to surrender. Implementing the Party's guidelines on conducting "*Concerted Uprising*" in rural deltas, within 7 months (from July 5, 1964 to January 31, 1965), in the whole Quang Tri province, the revolutionary forces had broken the grip of the government and army of the RVN in 240 villages and 13 hamlets with 127,986 people.

Consecutive victories of Quang Tri people in both military and political warfare in 1964 and early 1965 significantly contributed to the failure of the Johnson - McNamara plan. As "*Special War*" (1961 - 1965) was a failure, the US turned to the "*Local War*" (1965 - 1968), directly sent US troops to join the battlefields in South Vietnam.

Chapter 3

POLITICAL STRUGGLE IN QUANG TRI FROM 1965 TO 1975

3.1. Policies of the US, the RVN in Quang Tri and the political struggle policy of the Workers' Party of Vietnam from 1965 to 1975

3.1.1. Policies of the US and the RVN in Quang Tri from 1965 to 1975

3.1.1.1. Political and military situation

In order to adapt to the new historical context as the US conducted the *"Local War"* in South Vietnam (March 1965), on June 19, 1965, the War Cabinet of the RVN was established. In Quang Tri, to accommodate to the central military government, from June 1966 the position of Governor was held by officers in the army. Political parties and organizations were also facilitated to be more active by the RVN.

On June 11, 1965, the RVN established Mai Linh district; On December 21, 1967, Trung Luong district was dissolved; On April 29, 1968, a portion between Cam Lo and Trieu Phong districts was divided to form Dong Ha district. In order to effectively carry out the construction of *"New Life Hamlets"* in rural areas, the RVN focused their resources on building such *"New Life Hamlets"*.

After the failure of the *"Local War"* (1965 - 1968), the US turned to the *"Vietnamization"* strategy (1969 - 1973). In Quang Tri, in April 1969, the RVN organized many learning sessions on the RVN President's message in front of the bicameral Congress on April 7, 1969, with an aim to make *"People fully grasp the righteous and peaceful stance of the Government"*; They also organized resettlement for people in some communes of Dong Ha and Cam Lo districts.

Stunned by the revolutionary forces in the 1972 Strategic Attack and the heavy defeat in the *"Dien Bien Phu in the air"* (late 1972), the US was forced to sign the Paris Peace Accords (January 27, 1973) on ending the war, restoring peace in Vietnam, and withdrawing all remaining US troops (March 29, 1973). In Quang Tri, immediately after the Paris Peace Accords (January 27, 1973), the RVN brought people to 5 communes of Trieu Phong and Hai Lang districts.

In terms of military, on April 12, 1966, the 1st Battalion (1st Regiment, 3rd Marine Division) arrived at Khe Sanh, marking the presence of US troops in Quang Tri. On May 29, 1966, US troops also began to advance to Dong Ha military airport. With the support of US troops, at the end of 1966, the RVN launched 3 big mopping-up operations. From late 1967 to early 1968, the RVN organized many *"seek and destroy"* and *"pacification"* operations.

After the Operation *"Lam Son - 719"* (February 12 to March 23, 1971), from April to September 1971, the ARVN consecutively launched many other

operations. From June 28, 1972 to September 16, 1972, the RVN regime crossed the My Chanh River and made an assault to Quang Tri town; From September 17, 1972 to January 27, 1973, after retaking Quang Tri Citadel and Hai Lang District, the RVN regime continued their invasion to the East and the West, crossed the Nhan Bieu, Ai Tu rivers, and occupied the liberated area.

Not so long from the Paris Peace Accords, from January 27, 1973 to January 31, 1973, the ARVN launched the Operation *"Tsunami"* to reoccupy Cua Viet. In 1974, the ARVN in Quang Tri consisted of nearly 1 main division, 9 battalions and 1 security confederation, 102 civil guard platoons and more than 3,000 civil defense militias. Faced with revolutionary attacks from many sides, by the afternoon of March 19, 1975, the remaining ARVN troops fled from Quang Tri.

3.1.1.2. Socio-economic situation

In the period of 1965 - 1975, the economic situation of Quang Tri was not very bright, as it was depended mainly on US aid. Moreover, escalating living costs, and increasing unemployment rate were alarming issues.

3.1.1.3. Cultural and educational situation

Regarding culture, the RVN continued to implement the policy of Buddhism persecution. The US attempted to introduce Western culture and propagated the American lifestyle. Regarding education, the school system was expanded by the RVN.

3.1.2. Political struggle policy of the Workers' Party of Vietnam from 1965 to 1975

In December 1965, the 12th Conference of the Central Committee of the Party affirmed: *"The fact that the American imperialists brought many US troops and military vassals into the South ... made them more isolated and politically defeated."*

In April 1966, the Politburo decided to separate Quang Tri and Thua Thien provinces from Region No. V, established the Party Committee of the Region and the Tri-Thien-Hue Military Region, under the Central Committee of the Party and the Politburo. On June 16, 1966, the Central Military Commission decided to launch the Street 9 - B5 Front in Quang Tri.

In 1967, in Resolution No. 154-NQ/TW, dated January 27, 1967, the Politburo requested to closely political struggles in urban and rural areas under the control of the RVN with those in the liberated regions.

In January 1968, in preparation for the 1968 General Offensive and Uprising, the 14th Conference of the Central Committee of the Party stated: *"Incorporating the military struggle with the political struggle; wisely incorporating operations in urban areas with those in adjacent rural areas"*.

In June 1971, the Secretariat of the Central Committee of the Party decided to re-establish the Party Committee of Thua Thien - Hue Province (formerly Thua Thien) and the Party Committee of Quang Tri Province and dissolve the Party

Committee of Western Tri - Thien and the Party Committee of the Unions (the Fronts). On March 11, 1972, the Standing Committee of the Central Military Commission issued a Resolution to conduct a strategic offensive in 1972, whose main direction was the Tri - Thien battlefield.

Immediately after the Paris Peace Accords (January 27, 1973), on February 9, 1973, the Politburo directed the Tri - Thien - Hue Party Committee to print many copies of the Paris Peace Accords, protocols, calls of the Central Committee of the Party and Government, calls of the NLFSV and Provisional Revolutionary Government of the Republic of South Vietnam, etc. and widely distributed among RVN soldiers and officers.

Thoroughly grasping the guidelines of the Central Committee of the Vietnam Workers' Party, the Party Committee of Tri - Thien - Hue, the Party Committee of Quang Tri Province promptly set out specific guidelines which were suitable for the local situation.

3.2. The contents of PSQT from 1965 to 1975

3.2.1. Political struggle in the early stage fighting against the "Local War" strategy

On August 9, 1965, in Quang Tri town, the Provincial Council held a talk while the revolutionary side took the opportunity to organize mass political struggles to accuse Governor Hoang Xuan Tuu of pressing the people and request him to resign. Responded to the incident, on September 22, 1965, the RVN Secret Service threw a grenade at the Office of Buddhist Sangha of Quang Tri province, on September 26, 1965, Quang Tri Buddhists held a large protest at Tinh Hoi pagoda with the participation of Venerable Thich Don Hau (representative of Van Hanh region) and 50,000 Buddhist monks, nuns and followers. Faced with intense pressure from the people, on September 27, 1965, Governor of Quang Tri province Hoang Xuan Tuu resigned.

In collaboration with the struggle of Buddhists monks, nuns and followers, in the last months of 1965, the revolutionary forces sent officers to rural deltas to communicate with and encourage the people to directly confront the RVN. On October 5, 1965, the people of Cam Chinh commune (Cam Lo) organized a protest against the US and the RVN. Ten days later (on October 15, 1965), in Quang Tri town, workers and labourers organized a strike on the death anniversary of Nguyen Van Troi. The strike *"has crippled common activities in the province"*.

On November 9, 1965, in the districts of Cam Lo, Hai Lang and Trieu Phong, the revolutionary forces held many rallies to demand the RVN to pay compensation for war damage. Although the RVN sought to control and suppress the rallies, *"the Viet Cong have made certain influences on the people, especially people living in towns."*

On March 5, 1966, more than 1,500 compatriots in Thuong Nghia, Phuong An, Dinh Son, Cu Hoan, Quat Xa, Hoan Cat (Cam Nghia commune), Mai Dan and Mai

Loc (Cam Chinh commune) rushed into Con Trung station (Cam Chinh commune) to struggle and demand that soldiers should not fire their guns indiscriminately and the people had freedom of movement and trade. The next day (March 6, 1966), people of Nhan Bieu, Xuan Yen and Trung Kien villages (Trieu Thuong and Trieu Phong communes) joined people in the town and gathered in front of the Governor of Quang Tri province's office building to request the Governor not to let the ARVN at La Vang base randomly fired artillery into the hamlets.

Strong military and political activities from the revolutionary forces did make an important contribution to the instability within the RVN. On March 11, 1966, Nguyen Cao Ky - the Prime Minister of the Republic of Vietnam ordered the dismissal of Nguyen Chanh Thi, Commander of the I Corps Tactical Zone, and Government Representative in the I Zone; as well as dismissed him from the National Leadership Committee. Taking advantage of conflicts within the RVN, the southern Buddhist leadership launched a struggle against the US and the Nguyen Van Thieu - Nguyen Cao Ky's regime, the PSQT moved to a new stage.

3.2.2. Demanding the establishment of a civilian government

On March 16, 1966, "*The Unified Buddhist Sangha of Vietnam in Quang Tri province*" held a meeting at the Tinh Hoi pagoda, disseminating and explaining the Notice No. 21 dated March 12, 1966 of the Institute of External Affairs. At this meeting, the people requested a "*constitutional convention*" to demand the Generals to return to their military positions, which, in fact, was an attempt to overthrow Nguyen Van Thieu - Nguyen Cao Ky's regime. Coordinating with the people of Quang Tri town, the people of Trieu Phong and Hai Lang rushed into the town, surrounded the Governor's office building, and demanded compensation for damages caused by bombs and artilleries in the communes of Trieu Thuong (Trieu Phong district), Hai Phu, Hai Lam (Hai Lang district), etc. On the same day, students of Gio Linh public school quit their classes to protest against Nguyen Van Thieu - Nguyen Cao Ky's regime on the dismissal of Nguyen Chanh Thi. Under the pressure of the movement, the Governor of Quang Tri province fled immediately.

From the end of March 1966, the movement attracted the participation of most social classes. Many struggles broke out from April to June 1966. To suppress the rising Buddhist movement throughout the South, on June 19, 1966, Nguyen Van Thieu - Nguyen Cao Ky's regime launched a military attacks in Hue, hunted, tortured and brutally beat any participants of the movement. After that, the RVN sent troops to Quang Tri to destroy the altars and capture the movement participants. The PSQT temporarily cooled down from June 29, 1966.

3.2.3. Sabotaging the Congress election, restoring and developing revolutionary forces, contributing to the General Offensive and Uprising in Spring 1968

Due to the suppression of the RVN, in July 1966, the PSQT temporarily cooled down. In August 1966, the PSQT intensely continued when the revolutionary forces spread the words and organized learning sessions to criticize the election of the RVN which would take place on September 11, 1966. In September 1966, the revolutionary forces organized a struggle against the election, the raid, the acts of herding people into strategic hamlets, and forced conscription, etc. Regarding the anti-election, in Quang Tri town, although the RVN has ordered a curfew and arrests of rebels, "*Buddhist Salvation Association*", "*National Rescue Association*", youth, students still distributed leaflets, called for boycott of the election, went on hunger-strike to oppose the Nguyen Van Thieu - Nguyen Cao Ky's regime.

Generally speaking, in September 1966, there were 70 political struggles in the whole province. However, the political struggle in September 1966 was evaluated as "*unequal, not fierce enough, not intense enough, and not keeping up with military victory*". In November 1966, the revolutionary forces continued to distribute leaflets, spread the words to the population to rebel against the US and the RVN, teach the guidelines of the NLFV, struggle against RVN soldiers' artillery attack on villages, and persuade RVN soldiers to join or return to the revolutionary forces.

3.2.4. Demanding welfare of the people and democracy

From the end of 1968 to the beginning of 1972, the Party Committees at all level led the people to struggle against the RVN to resolve urgent issues of life, to return to the old villages, to demand freedom of movement, to demand the US to withdraw its troops, to boycott the "*National Day 1-11*", to stop conspiracy and urgent pacification action, to oppose the forced conscription into civil defense forces, purification, forced gatherings at one place at bedtime, "*4 Nos*" classes, establishment of family unions, and electoral fraud, to persuade RVN soldiers to join the revolutionary forces. In particular, on the occasion of the 9th Route - Southern Laos Campaign's victory (from February 12 to March 23, 1971), the revolutionary forces mobilized 5,500 people to participate in the struggle and spread the words of peace to the US and ARVN troops. Anti-conscription to sabotage the civil defense forces movement also achieved many results, enticed 218 civilian defense militias to demobilize and return to their villages to eam their living.

On March 30, 1972, the strategic offensive into Quang Tri was launched, on May 1, 1972, Quang Tri province was completely liberated (later the southern region of Thach Han River was reoccupied by the ARVN). However, in the process of leading the revolution, officials and party members still "*underestimate the issue of mobilizing people's struggles and organizing political forces*".

3.2.5. Demanding the implementation of the Paris Peace Accords, in coordination with the armed forces to participate in the General Offensive and Uprising in Spring 1975

After the Paris Peace Accords (January 27, 1973), the Party Committee of Quang Tri province led the people to demand the US and the RVN to implement the Paris Peace Accords properly. On June 6, 1973, the office building of the Provisional Revolutionary Government of the Republic of South Vietnam was established in Tay Hoa village (Tay Hoa residential area, Cam Lo town now). Faced with attacks from many sides, in both military and political warfare, by the afternoon of March 19, 1975, the government and army of the RVN retreated, Quang Tri province was completely liberated.

Chapter 4

SOME COMMENTS AND EVALUATIONS ON POLITICAL STRUGGLE IN QUANG TRI (1954 - 1975)

The PSQT during the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975) achieved a complete victory, contributed directly to the cause of liberation of the South and reunification of the nation, and emphasized the distinctions of a provincial-level locality in carrying out the resistance missions. Through the study of PSQT (1954 - 1975), we draw some comments and evaluations as follows:

4.1. Nature

Liberation and welfare of the people, democracy are the two basic missions of the revolution in the South in general and the PSQT in particular. These two missions are simultaneously and synchronously carried out, and mutually supported each other.

4.2. Characteristics

The PSQT during the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975) took place intensely on all three strategic areas, with a large scale, diverse forms and measures; associated closely with the political struggle in Thua Thien - Hue and the Revolution in the South, with the support of the Socialist North and the vast liberation region, especially since the Paris Peace Accords (January 27, 1973).

4.3. Roles

The PSQT played particularly important roles in encouraging the people of the South to fight against the US; contributing to pushing the RVN into constant crises, making the local RVN government powerless at some periods, forcing the Central Government to change the Governor of the province many times. From many specific evidence presented in chapter 2 and chapter 3, we can affirm that: the PSQT

successfully completed its role as one of the two spearheads beside military struggle throughout the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975), this role truly stood out in the first period (from after the signing of Geneva Accords on July 21, 1954 to the end of the "*Special War*" in 1965).

4.4. Historical significance

The PSQT is a proof for the patriotism and the heroic and tenacious spirit of Quang Tri people; It affirms the correct political struggle policy of the Party at all levels, contributes to raising the level of political enlightenment for the people, disorganizes the rear of the RVN, and creates conditions for the development of armed struggle. In the process of organizing and leading the people in the political struggle, the Party Committee of Quang Tri province also revealed certain shortcomings, which were gradually overcome to bring the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975) to the final victory.

4.5. Some limitations

In addition to the great achievements and victories, the direction and leadership of Quang Tri province's Party Committee in the political struggle still have some shortcomings and limitations.

CONCLUSION

1. Quang Tri was located at the frontier, which was a very important strategic position. Therefore, the US and the RVN focused on building a strong military and political dominance in Quang Tri. Political - military, economic - social, cultural - educational policies that the US and the RVN implemented in South Vietnam were mostly deployed in Quang Tri. Regarding politics - military, the US and the RVN advocated for rapidly building a powerful dominance and military force, implementing a fierce terrorist policy to curb and suppress the revolutionary struggles of Quang Tri people; In terms of socio-economic situation, the US tried to aid the South in general and Quang Tri in particular in order to create a gaudy urban life to corrupt the "*heart and mind*" of farmers in mountainous areas and rural deltas; In terms of education - culture, the US promoted the spread of American culture into Quang Tri, censored the media strictly and implemented a policy of religious discrimination against Buddhism, etc.

2. In the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975), under the leadership of the Party at all levels, the people of Quang Tri united to fight against all conspiracy and schemes of the US and the RVN in all three strategic areas: mountainous areas, rural deltas, and urban areas. The PSQT took place intensely, drastically, on a large scale, used a variety of diverse, flexible, creative forms and measures and attracted the participation of all social classes in the province. Thanks to Quang Tri's specific

characteristics (of a buffer zone), the thoroughly understanding of the Party's guidelines and policies, in the period of 1954 - 1965, the PSQT occurred intensely and fiercely: demanding the implementation of the Geneva Accords; opposing the "*anti-communist denunciation campaign*"; coordinating with the armed forces to conduct the "*Concerted Uprising*" in mountainous areas; demanding people's welfare, democracy and opposing "*Strategic Hamlet Program*"; demanding freedom of belief and religious equality; revolting against dictatorship and military government; sabotaging "*New Life Hamlet Program*"; coordinating with the armed forces to conduct "*Concerted Uprising*" in rural deltas during 1964 - 1965; The political struggle opposed the US and the RVN, demanded democracy, people's welfare, and urged to establish a civilian government (1965 - 1966). From 1966 to 1975, the political struggle continued to take place intensely but did not keep up with the armed struggle, especially when major offensives were launched: The General Offensive and Uprising in 1968, The 1972 Strategic Offensive and the General Offensive and Uprising in Spring 1975.

3. The political struggle of Quang Tri people had bold characteristics of liberation, welfare of the people and democracy. In terms of liberation, the struggles attracted the participation of most social classes in the province to rise up against the RVN, then proceed to fight against the US directly with concrete and drastic actions for the liberation the South and the reunification of the nation.

In terms of welfare of the people, the people of Quang Tri struggled against excessive and compulsory tax and fee payment, "*Strategic Hamlet Program*", the acts of land-grabbing, forcing people to work at Land Development Centers, demanded the RVN to allow people to freely travel, trade, work and provide adequate allowances for migrant compatriots, to distribute rice for hunger relief, to allow families living in difficult circumstances to borrow money for their production and daily life, and to prevent soldiers from firing their guns indiscriminately, if the soldier caused any damage, they must pay compensation to the people, and to allow people to return to their previous residence; Quang Tri people also requested the Nguyen Van Thieu - Nguyen Cao Ky's regime to solve expensive living issues, to give fishermen the freedom to go fishing; Quang Tri people struggled against the acts of robbery, rape, randomly shootings of the soldiers, sprays of toxic chemical, crops destruction, etc. caused by the US troops and RVN soldiers.

In terms of democracy, the political struggle aimed to fight against the remnants of the Personalist Labor Revolutionary Party, the military dictatorship, to demand the establishment of a civilian government and a Congress directly elected by the people; to oppose the Law No. 23/67 (July 18, 1967) whose contents denying the Charter of the Buddhist Sangha; to demand the freedom of religion and belief and other liberties of citizens, to disapprove against the conscription, mobilization of the army, and militarization of the youth; to fight against oppression, plunder, and the acts of conscripting workers to work as

coolies; to resist the acts of coercing people to work for the RVN authorities in commune and for reactionary political organizations; to oppose purification, forced gatherings at one place at bedtime, repeatedly-organizing meetings, harsh prison regimes; to demand freedom of movement and trade outside the controlled zones and return to their previous residence (in case of being herded); to sabotage the "*Strategic Hamlets*", "*New Life Hamlets*", "*Land Development Centers*"; to stand up to the division among or fraud against ethnic minorities, economic blockade or sabotage of mountainous areas; to protect one's life and properties; and to build organizations supporting the revolution, etc.

The objectives of liberation, welfare of the people and democracy were intertwined in the revolutionary slogans of the people. Thanks to the movement, the political enlightenment of the people had been increasingly improved, from revolting against the RVN regime, the people of Quang Tri proceeded to oppose the US directly, especially since the US troops landed in the locality. Therefore, the objective of liberation was more and more prominent than the people's welfare and democracy.

4. The PSQT clearly showed the solidarity and close relationship of the people of Quang Tri and Thua Thien - Hue provinces in the Resistance War against the US' invasion. Besides, the movement also had a close relationship with the southern revolution as well as the national revolution, which received direct supports and coordination from the people of the North and the vast liberated region especially since the Paris Peace Accords (January 27, 1973). Every struggle event of Quang Tri people was concerned, monitored, encouraged and shared by the people throughout the country. The growth of the revolutionary movement in Quang Tri reduced the pressure on Vinh Linh, Thua Thien - Hue and Quang Nam - Da Nang, maintaining the strategic corridor of the Indochina revolution. Thanks to the struggle, the political enlightenment and political awareness of the Quang Tri people was increasingly enhanced.

In comparison with other localities in the Nation, the PSQT had a number of unique characteristics such as its close coordination with the political struggle in Thua Thien - Hue, with direct support from the socialist North and the vast liberated region, especially since the Paris Peace Accords (January 27, 1973); some of the struggle events took place very early compared to those in other localities such as demands for the general election to reunify the Nation, the earliest response to the struggles for freedom of belief and religious equality which began in Hue, etc.

The PSQT in the Resistance War against the US for National Salvation (1954 - 1975) has a profound historical significance: it is a proof for the patriotism and the heroic and tenacious spirit of Quang Tri people; It affirms the correctness of the political struggle policy of the Party at all levels, contributes to raising the level of political enlightenment for the people, disorganizes the rear of the RVN, and creates conditions for the development of armed struggle; leaves many valuable

history lessons of great practical values for the people of Quang Tri and of the entire country in the task of building and defending Vietnam today.

In addition to the great achievements and victories, the direction and leadership of the political struggle of Quang Tri province's Party Committee still have some shortcomings and limitations: Immediately after the signing of Geneva Accords (July 21, 1954), leaders of the movement did not fully foresee the long-term and comprehensive scheme of the US and Ngo Dinh Diem, failed to grasp the new struggle policy of the Party, so there were several serious mistakes which violated the Accords, leading to a decline in the mass movement. Besides, land for cultivation of farmers and other practical matters of the people were not properly paid attention to. By 1959, the local revolutionary organizations were immature, unable to act as the core of the political struggle, with a small number of officials and party members who were lacking experience to lead the movement. In February 1961, in the deltas, the declaration of the NLFSV was not extensively spread, the political offensives on the RVN authorities in villages and communes were very weak, the military operations were not focused.

In the three months of April, May, and June of 1966, the political struggle had many weaknesses, was unable to gather many people, especially people from the basic social classes, the revolutionary forces had not been strong enough. Assessing on the political struggle in the second half of 1966, the Party Committee of Quang Tri province stated that in this period, the political struggle ability of the masses was high, the struggle was in an advantageous historical context, but the leadership of the Provincial Party Committee still had many drawbacks so the struggles was not great and intense enough and did not accompany with the armed struggle. In 1967, the revolutionary officials still did not promote the ability of the political struggle to protect the common rights of the masses and their gained revolutionary achievements, etc.; military activities, security, advocacy directed at serving politics and the masses were not paid enough attention to; the establishment of revolutionary organizations in the villages and communes was uneven and not strong enough.

During the General Offensive and Uprising in 1968, in Quang Tri town, the in-place uprising of the masses was hardly ready to coordinate with military offensive. In the 1972 Strategic Offensive and the General Offensive and Uprising in Spring 1975, in the major offensive of the armed forces in Quang Tri, the issue of mass mobilization and organization of the political forces was overlooked, leading to the fact that the political forces did not coordinate effectively with the armed forces.

Forty-five years have passed since the complete liberation of the South (1975 - 2020), the country has been experiencing the full joy of unity. The thesis, to a certain extent, is an additional material about a tenacious and heroic period of struggle of Quang Tri people. We hope that the contents of the thesis will contribute practically to the education of the patriotic tradition for younger generations in Quang Tri at present and in the future.

LIST OF PUBLICATIONS RELATED TO THE THESIS TOPIC

1. Tran Thanh Thuy (2015), “Movement of South Vietnam Urban Areas against Tran Van Huong’s regime in late 1964 - early 1965”, printed in: *About the Movements of South Vietnam Urban Areas in the Resistance War against the United States for National Salvation (1954 - 1975)*, Ho Chi Minh City General PH.

2. Tran Thanh Thuy (2017), “Political and Military Policies of the American Government and the Saigon Administration in Quang Tri (1954 - 1975)”, Yearbook *Young Scientists Conference*, Information and Communications PH.

3. Tran Thanh Thuy (2018), “Strategic Hamlets in Quang Tri (1961 - 1965)”, *Military History Review*, (316), page 61-64.

4. Tran Thanh Thuy (2018) (co-author), “Students in South Vietnam Urban Areas in the Buddhist Movement in 1966”, *Journal of Historical Studies*, (507), page 47-59.

5. Tran Thanh Thuy (2018), “Movement of Political Struggle in Tri-Thien in the Fight against US Aggression for National Salvation in period 1963 - 1965”, *Hue University Journal of Science: Social Sciences and Humanities*, (6C), page 77-92.